

NĂM THỨ 2  
Số 17

Tháng Septembre  
và Octobre 1935

VIEN AM

音

圓



寰宇蒙黨

不惑之學

佛學會月刊

Nguyệt-San Phật-Học

Nam-mô Bôn-sư

# Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác Đại-Chứng-Minh

PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO SƯ

Diệu-Đế tự Trù-Trì: Giác-Tiên

Tỳ-Ba tự Trù-Trì: Giác-Nhiên

{ Duyệt-y

Phật Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y

Ký tên thế : Lê Đình-Thám

## MỤC LỤC

### I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ

— Làm ruộng (Viên-Âm) . . . . . 3

### II. — Ý KIẾN PHỤ-NỮ ĐỐI VỚI PHẬT-HỌC

— Ý-kiến phụ-nữ đối với Phật học ở xứ ta  
(Tỉ-kheo-ni Huệ-tâm) . . . . . 1

— Xuất gia và tại gia (Diệu-Không) . . . . . 12

— Một bức thư dài xin hỏi ý kiến chị em nữ lưu  
(Thích-nữ) . . . . . 19

— Phụ-nữ với Phật-pháp (Diệu-Phước) . . . . . 23

### III. — DIỄN ĐÀN

— Niết-Bàn (Thích mặt khế) . . . . . 26

### IV. — KINH-HỌC

— Đại-y kinh Thủ-Lăng-Nghiêm (tiếp theo)  
(Viên-Âm) . . . . . 37

— Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm (tiếp theo)  
(Viên-Âm) . . . . . 39

### V. — BÌNH NGHỊ

— Bát bài « trả lời cho báo Viên-Âm » của Ông  
Kính-Hiền-Vi đăng trong báo Ánh-Sáng số 52  
(N. Xuân-Thanh) . . . . . 48

VI. — THI-LÃM . . . . . 56

VII. — TIÊU TỨC . . . . . 61





# QUYỀN ĐẬU NGŨ

## Làm ruộng

**G**iữa mùa tháng tám, trông ra ngoài đồng, thấy cảnh-tượng rất vui vẻ. Người coi cấy, người đi cấy cho đến những con mót thăm thì bảo nhau năm nay không lụt không bão nên mùa tháng tám này khá lắm.

Không lụt không bão mùa màng mới khá, nghề làm ruộng cũng không phải là dễ. Người làm ruộng quanh năm chỉ biết cày sâu cuốc chín, gieo mạ cấy lúa, họ lo làm cho đủ bản-phận, dầu cho bão to lụt lớn bị mất mùa màng cũng không sờn lòng rùn chí.

Nơi chúng ta cũng có một vạt ruộng rất tốt, ai có gắng công sửa soạn thì chắc được hưởng-thụ, khỏi sự bão lụt. Thế mà lắm người không thiết gì đám ruộng ấy, bỏ hoang bỏ phế, mặc dầu cho lòng loán cỏ mọc, ngổ cũng đáng tiếc. Đám ruộng đó là chi, chính là cái tâm-địa của chúng ta vậy.

Tâm-địa chúng ta : học thì biết, tập thì giỏi, trong đó có thể trồng biết bao nhiêu hạt giống trí-huệ, hạt giống đức-hạnh, miễn sửa soạn được một phần thì hưởng-thụ được một phần, sửa soạn được nhiều phần thì hưởng-thụ được nhiều phần, có hơn thì có quả, mảy mún không sai.

Người sửa soạn tâm-địa cũng như người cày ruộng, phải cày cuốc cho hết những cội rễ phiền-não, lựa hạt giống trí-huệ, đức-hạnh mà gieo, gieo rồi hằng ngày lo vun quén lo tưới nước và thường thường đầy cỏ không cho loán vào thời cái kết - quả trí-huệ, đức-hạnh chắc có ngày thực-hiện. Những cội gốc phiền-não như tham, sân, si phải tiêu diệt hết, không còn mọc lên được nữa, và tâm chúng ta mới được tự-do làm việc hay việc phải, không còn bị xây vắn theo chi - phối của mỗi danh miếng lợi nơi hoàn-cảnh.

Ai là người muốn có tự-do, muốn có trí-huệ, muốn có đức-hạnh, xin hãy gắng mà sửa soạn tâm-địa.

# Ý - KIẾN PHỤ. - NỮ ĐỐI VỚI PHẬT - HỌC Ở XỨ TA

## I. — Các Hội Phật-học nên hiệp-nhất

**H**iện nay phong-trào chấn-hưng Phật-học đã sôi nổi lan khắp ba kỳ, các ngài cao - minh túc-trí thấy đều đồng một chí-hướng dóng trống pháp-âm, rung chuông cảnh tỉnh trên giải đất Đông-Dương, nào là Từ-Bi-Âm, Viên-Âm, Tiếng-Chuông-Sớm, cùng với Duy-Tâm, các tập-chí Phật-học thấy đều rộn rịp đua nhau ra đời.

Ấy cũng vì hoài - bão cái chữ - nghĩa từ-bi, muốn đánh thức tất cả nhơn-loại mau qui đầu Phật-giao mà bởi bỏ tình-thân, chớ đừng đắm say theo cảnh giả dối phồn-hoa rồi phải lặn hụp trong bể ái sông mê, vầu vương nơi đường ma hang tối.

Xem như vậy thì ai là người biết chú trọng về đường tinh-thần, đã biết suy tìm bản lai diện mục, lại không tùy-hỉ mà tán-thán công-đức pháp-thí.

Nhưng đến nay, những người tận tâm duy-tri Phật-pháp, có chí lo xa, xét đến tương-lai của nền Phật-học trong ba kỳ thì bắt đầu đem lòng lo sợ.

Riêng tôi rất thâm kính cái chí - nguyện hoằng - pháp lợi sanh kia, hằng trông mong công đức của các hội Phật-học được viên-mãn, nên đề tâm quán xét đến tình-bình bề trong của Phật-học nước nhà rồi phát-triển ra mỗi cảm-tưởng như sau này, rất mong qui ngài cao-minh đại-đức cùng liệt-vị chư-tôn mỗ lượng từ-bi quan-sát đến cái vấn-đề tôi sắp nói đây thì thật là ân-hận cho tôi lắm.

Vả chẳng trong việc lập Hội Phật-Học, cốt-yếu duy có hai điều :

- 1.) Chính-đốn Tăng-già;
- 2.) Hoằng-dương chánh-pháp.

Hai mục-đích ấy, các ngài trong khi đứng lên lập Hội chắc cũng trông mong cho mau thành-tựu, dựng lếp bề trăm-luân đem mấy mươi triệu dân chúng lên con đường chánh-giác.

Vậy tôi trông mong các ngài chủ-trương các Hội, dầu là cư-sĩ, gắng sức thiệt hành Phật-pháp để làm gương cho đời, ném phứt bỏ lợi danh, xé tan màn vật-chất, để cho ai nấy trông vào đều sanh lòng tín-ngưỡng. Vậy mới gọi là Phật-pháp đồng lương, là thuyên-lâm long-tượng.

Đối với các vị chơn-chánh Phật-tử trong các Hội, câu nói của tôi đó cũng là câu nói thừa, nhưng lý phải có sự, các ngài đã xu-hướng theo một mục-đích, thì theo ý tôi, cái sự cốt yếu cần phải làm trước để cho thiên-hạ trông vào là các Hội cần phải thiệt-hành chủ nghĩa lục-bòa, hiệp nhất cùng nhau đặng chung lo Phật-sự.

Cái vấn-đề hiệp nhưt đó chính là ý-kiến của tôi trong bài này đối với các Hội Phật-Học.

Các Hội Phật-học hiệp nhất để làm gì ?

Thưa, để bàn luận cùng nhau mà giải-quyết những vấn-đề trọng-yếu, nhưt là về bốn việc :

- 1.) Giảng-biệt Phật-pháp và ngoại-đạo ;
- 2.) Định rõ giới - tướng và phẩm-cách của các bậc xuất-gia ;
- 3.) Định rõ giới-tướng và bổn-phận của các bậc tại-gia ;
- 4.) Kiểm-sát những cơ-quan tuyên-truyền Phật-giáo.

Muốn hiệp nhất thì các Hội Phật-học và các Sơn - môn trong ba kỳ đều ủy đại-biểu hội- hiệp cùng nhau trong một đại-tông-lâm, hoặc ba năm một lần, hoặc một năm một lần để cùng nhau bàn định và thảo-luận chương-trình hoằng-pháp của mỗi xứ để cho thích hợp với trình-độ dân-chúng.

Riêng về bốn vấn-đề quan-trọng trên kia, theo thiên-kiến tôi, nên phân tích ra từng bộ-phận như sau này :

## 1.) Giảng-biệt Phật-pháp và ngoại-đạo

Đức Phật Thích-Ca vì thương chúng sanh mắc khổ luân-hồi trong sáu đường nên thị-biện giữa cõi Ta-Bà, chỉ về cho chúng sanh biết lối tu tập đặng chứng quả Bồ-Đề thành Đẳng-chánh-giác. Tuy tùy căn-cơ chúng sanh, phương tiện của Phật vẫn nhiều, nhưng cũng không ngoài các mục-đích phá-trừ mê-chấp, khai-thị chánh-pháp.

Hiện nay đương buổi mạt-pháp, Phật-giáo-đồ phần nhiều thất-học nên những sự dị-đoan mê-tín đã lần lượt chen vào trong đạo Phật.

Các ngài là Như-lai-sứ, chen vai gánh vác gia-nghiệp của Phật, nở đê cái giáo - lý vô - thượng thậm thâm bị khuấy lấp dưới cái màng hư-vọng điên-đảo. Vậy cốt yếu nhất trong khi các đại-biểu hội-hiệp là định rõ thế nào là Phật-pháp, thế nào là ngoại-đạo để cho tất cả Phật-giáo-đồ đều biết chỗ phải mà theo, chỗ trái mà tránh.

Trong khi bàn luận nên chia từng bộ phận, mỗi bộ phận lại phải chia từng bực theo năm thừa để cho thích hiệp với trình-độ tất cả tín-đồ Phật-giáo.

Các bộ-phận trong vấn-đề : « Giảng-biệt Phật-pháp và ngoại-đạo » vẫn nhiều, tôi xin kể đại-lược ít phần, gọi là ý-kiến riêng của một tín-đồ Phật-giáo :

- a) Vũ-trụ quán;
- b) Nhơn-sanh quán,
- c) Giáo-pháp quán,
- d) Chơn-ly quán,
- e) Diệu-hạnh quán,
- f) Thánh-quả quán.

Sau khi các ngài viện dẫn kinh điển, thi thố ngũ-minh, bàn định yên ổn rồi thì cùng nhau thảo-luận một qui-cử nhất-định và tuyên - bố cho tất cả tín-đồ Phật-giáo; nếu ai không theo qui-cử ấy thì không được thừa-nhận là tín-đồ đạo Phật.

## 2.) Định rõ giới-tướng và phẩm-cách của các bậc xuất-gia

Hiện nay trong tăng-già không có qui-phạm nhứt-định, ai muốn làm Tỉ-Kheo, làm Pháp-sư, cho đến Hòa-thượng, Yết-ma, Tăng-cang, Trụ-trì cũng được, dầu không biết Phật-Pháp là chi, dầu không giữ giới-luật. Lại các ông sư hoặc bà sư vừa mới thọ-giới đã tức tức ra kiểm cảnh chùa riêng đặng an phầu tự-tại, rồi từ đó sắp đi chẳng còn liên-lạc gì với toàn-thể Tăng-già nữa. Vì đó nên lắm kẻ không tin Phật-pháp, không tin nhơn-quả cũng chen vào hạng Tăng-già, phát-sanh lắm điều phi-pháp, làm cho toàn-thể Tăng-già mất cả giá-trị.

Muốn về sau cho khỏi cái tệ như vậy thì cần phải định rõ giới-tướng và phẩm-cách của các bậc xuất-gia.

Nói về giới-tướng thì trong tạng Ti-Ni đã đủ cả rồi; tuy vậy về những giới vi-tế, các ngài cũng nên tùy theo phong-tục, giới nào đáng khai thì khai, giới nào đáng thêm chi-tiết thì thêm chi-tiết, lập thành biên-bản chữ nho và chữ quốc-ngữ để cho ai nấy đều biết mà tuân theo. Nếu người nào giữ được giới Sa-di thì làm Sa-di, giữ được giới Tỉ-kheo thì làm Tỉ-kheo; bằng không giữ nổi thì phải xin xả-giới qui-tục. Nếu cứ làm ông thầy mà cứ phạm-giới thời Sơn-môn phải y-luật mà trừng-trị, phạm tội nặng thì phải tẩn-xuất. Nếu đã bị tẩn-xuất mà còn mượn áo nhà Phật, làm việc phi-pháp, thì các Phật-giáo-hội và Sơn-môn phải đứng lên truy-tố về tội giả mạo, có thiệt-hại cho danh-giá của tín-đồ Phật-giáo.

Về chức Pháp-sư, hiện nay lạm danh nhiều lắm, vậy các ngài nên tổ-chức những cuộc thi hạch, hễ ai thi đậu mới được công nhận là Pháp-sư và mới được phép thâu-nạp đồ chúng.

Một vị Pháp-sư kiết đủ mười hạ mới được làm Yết-Ma, Hòa-thượng. Còn chức Đại-sư thì thiết tưởng nên để dành cho các bậc Tam-tạng Pháp-sư, ti-ni nghiêm-tịnh, hạnh giải tương-ung mà thôi.

*Phẩm cách.* — Định giới - tướng như vậy chỉ là một phương-pháp về quá-độ thời - đại để chỉnh-đốn tăng - gia hiện-thời một đôi phần. Song về sau lại còn phải lập Phật-học - trường, đào-tạo Tăng-già đạo Phật theo một chương-trình nhất định.

Những người muốn làm ông thầy cần phải vào trường học tập, có thi đậu Sa-di mới được thọ-giới Sa-di, có thi đậu Tỉ-kheo mới được thọ-giới Tỉ-kheo và cũng phải thi mới được làm Pháp-sư về kinh-tạng, luật tạng hay luận tạng. Ông nào thi đậu Pháp-Sư cả ba tạng thì được tặng chức tam-tạng Pháp-sư.

Duy có các bậc tam-tạng Pháp-sư và luật-sư kiết đủ mười hạ mới được làm tam-sư thất - chứng trong các giới đàn mà thôi.

Vấn-đề này là một vấn-đề rất trọng yếu, nếu không chỉnh đốn Tăng-già để có kẻ duy-trì Phật-pháp thì dầu phong-trào Phật-học khoách-trương thế nào đi nữa cũng chỉ hưng-vượng nhất thời mà thôi, chớ không thể mỗi ngày mỗi tăng trưởng lên mãi được.

Hoặc có người nói rằng: «Luật chẳng qua là sự tướng, người tu hành cần phải hiểu lý-nghĩa uyên-thâm, nếu cứ chấp-trước những điều nhỏ-mọn thì sao gọi là tùy duyên được.»

Than ôi! Nghe câu đó lại nhớ đến cách-ngôn của ông Vương-Dương-Minh rằng: «Kẻ nào học kỹ nhớ nhiều lại càng thêm kiêu-ngạo, kẻ nào hiểu rộng biết xa lại càng thêm lòng ác, kiến văn càng rộng, thì biện bác càng giỏi, từ chương càng hay thì sức-ngụy càng khéo.»

Lời ông Vương - Dương - Minh tuy có phần quá đáng, nhưng cũng đủ miêu-tả thái độ của những hạng khâu-đầu-thuyền trong Tăng-già vậy.

Hiện nay trong thuyên-gia ít thầy quản thông giáo-lý, ít ông phát lòng chánh - tín, nên thường thấy lắm người mượn những câu khâu-sáo nào là: « Đại-thừa bất câu ư tiểu tiết », nào là: « Dâm phòng tử-tử, vô phi thanh tịnh

đạo-trường », rồi tha-hồ tranh danh trục lợi, mong sao tháp cho lớn, ruộng cho nhiều, chớ thiệt chưa hề rõ lý-nghĩa « bất câu », « vô-phi » là chi cả.

Dầu cho các bậc đại-thừa căn-trí tu chứng liễu nghĩa di nữa cũng phải tùy duyên hóa-độ, đâu có đeo đuổi theo mỗi danh bả lợi, làm cho chúng sanh nghi hoặc và hủy báng Phật-pháp ! Vậy rất trông mong các ngài cao minh đại-đức chú trọng về vấn-đề này để cho khỏi phụ lời di-chức « Dĩ ba-la-đề-mộc-xoa vi sư » của Phật.

### 3.) Định rõ giới-tướng và bổn-phận của các bậc Tại-gia

Trong sơ-môn đã lắm thầy không có học - thức, thì những tín-đồ tại-gia sao cho khỏi tin càn tin quấy, kể thuyết này người thuyết khác, lắm khi chỉ nhân những sự câu vai cùng cấp là Phật-pháp, chỉ biết ông bổn-sư là người câu vai cùng cấp thế cho mình, chớ không nghĩ gì đến đạo-lý. Vì vậy nên thấy phần nhiều tín-đồ co qui-y mà không biết Tam-bảo, có thọ-giới mà không giữ dạng một giới nào, thậm chí có người không biết sự-tích đức Phật Thích-Ca nữa.

Nếu tín-đồ đạo Phật như thế thì dầu đong đến đâu cũng chỉ là tín-đồ của ngoại-đạo mà thôi.

Đó là một cái tệ cần phải bỏ cứu. Muốn bỏ-cứu thì cần phải cải-cách những lối truyền qui-giới, nghĩa là người nào cũng phải tọc cho biết Phật, Pháp, Tăng là chi rồi mới được qui-y; người nào phát tâm giữ ít nữa một giới trong năm giới mới được làm Ưu-Bà-Tắc và mới được nậu là chơn-chánh tín-đồ Phật-giáo.

Về Bồ-Tát giới thì trừ ra « Anh-Lạc thập giới », có thể truyền cho những vị toàn phần Ưu-Bà-Tắc để kết duyên với đại-thừa, ai muốn thọ chơn-thật Bồ-Tát-giới đều phải quán thông kinh-diễn, hiểu rõ đạo-lý và phát Bồ-Đề-Tâm mới được.

Nói về bốn-phận của tín-đồ thì ai đã qui-y theo Tam bảo đều phải thề không qui-y với thánh, thần, ma quỷ của ngoại-đạo, không qui-y với những tà thuyết dị-đoan không hiệp với chánh-lý và không qui-y với các thầy ngoại-đạo và các Tăng-đồ giả dối. Tín-đồ lại phải tùy theo địa-vị, tùy theo căn-trí, tham-học giáo-lý, trau dồi đức-hạnh, hộ-trí chánh-pháp, cúng dường Tam-bảo để làm ngoại-hộ cho Tăng-Đồ đạo Phật.

#### 4\*) Kiểm-sát những cơ-quan tuyên-truyền Phật-giáo

Hiện nay những cơ-quan tuyên-truyền Phật-giáo đã có bốn, năm tờ nguyệt-san, về sau chưa chắc không tăng thêm lên nữa, nếu không có một Hội-đồng để kiểm-sát những cơ-quan kia, thì chỉ cho khỏi những kẻ vô-nghi chen vào nói càn nói quấy, làm cho tín-đồ nghi hoặc, chẳng biết đâu là chánh-pháp.

Vì vậy nên trong ba kỳ cần phải hội-hiệp các đại-biêu của sơn-môn và của Phật-học-hội đăng kiểm-sát những cơ-quan ấy. Hội-đồng đại-biêu phải mời những ông chủ-bút hay chủ-nhiệm các san-chí kia đến hạch hỏi về Phật-pháp, ông nào quán thông giáo-lý thì được Hội-đồng giới-thiệu san-chí cho cả tín-đồ Phật-giáo. Nếu tòa-soạn một san-chí không có đại-biêu đến dự-hạch, hoặc có đại-biêu đến dự mà không trúng cách thì Hội-đồng phải khuyên bảo họ đình-bản và sẽ tuyên-bố cho công-chúng hay là tờ ấy không đúng Phật-pháp.

Lại tùy theo học-thức của tòa-soạn, Hội-đồng có thể định phạm-vi của họ trong lối hoằng-pháp, từ ngữ-thừa tụng-pháp, tam-thừa tụng-pháp cho đến đại-thừa bất-tụng-pháp để cho khỏi cái hại không hiểu nói càn, làm cho độc-giả phải lầm đàng lạc nẻo.

Theo thiên-kiến của tôi thì tạp-chí Phật-học cốt cho đúng đắn chớ không cần phải nhiều lắm, nếu các vị thông bát tam tạng, chánh-giải, chánh-tín trong ba kỳ hội hiệp cùng nhau, tổ-chức một tờ tạp-chí cho toàn-thể tín đồ thì lại càng quý hóa hơn nữa.

Mỗi kỳ Hội-đồng có lập biên-bản đăng lên các báo-chương, đăng cả những lời luận bàn, những lời vấn đáp để cho tất cả tín-đồ đều rõ việc làm quang-minh chánh-đại của Hội-đồng, chỉ theo chánh-lý của Phật chứ không thiên-vị người nào và cũng không quyết chấp kỷ-kiến. Nếu Phật giáo-đồ trong ba kỳ tổ-chức được những công cuộc như vậy thì lo gì Phật-học không trùng-hưng, tông-lâm không nghiêm-chỉnh.

Mới rồi đây tôi có được hầu tiếp Hòa-thượng Chánh-Tổng-lý Lương-Xuyên Phật-Học-hội bày tỏ ý kiến này, chưa biết ngài sẽ liệu định thế nào. Tôi trực-tiếp với thiện-gia ngoài Bắc trong Nam ngót mười năm trời, biết rõ nội-dung, nên phát-sanh ra ý-kiến như vậy, trông mong các vị đại thiện-tri-thức mở lượng từ-bi không nề rằng: « vật dĩ nhơn vi » mà đề ý quan-sát đến và thiệt-bành hiệp-tác cả ba kỳ, thì may mắn biết bao!!! tiện-ni chi xiết bình-hương đỉnh chúc.

Tỉ-Kheo-Ni HUỆ-TÂM



## II.— XUẤT-GIA VÀ TẠI-GIA

**T**rong đạo Phật có bảy chúng, năm chúng xuất-gia và hai chúng tại-gia.

Hiện nay lắm người xuất-gia cũng có vợ có con như người tại-gia, làm cho tín-đồ sanh lòng nghi hoặc, chẳng biết xuất-gia tại-gia khác nhau thế nào. Vậy nên cần phải biện-luận cho rõ.

Xuất-gia là gì?

Xuất nghĩa là ra, gia nghĩa là nhà; nghĩa đen là ra khỏi nhà, ra khỏi gia-đình. Nhưng nếu chỉ lấy nghĩa đen mà nói thì những người đi buôn đi bán, đi học đi hành, xa nhà xa cửa cũng gọi là xuất-gia hay sao? Vậy thì biết xuất-gia còn lý nghĩa sâu xa, có phát tâm tu hành bỏ nghiệp chúng sanh, ra khỏi nhà lửa tam-giới mới gọi là xuất-gia được.

Chúng sanh từ vô-thỉ đến nay bị ba nghiệp tham, sân, si khuấy rối, tâm không khi nào được an tịnh, thường bị hoàn-cảnh xây chuyển, bị hoàn-cảnh bức bách, khác nào như ngọn lửa nung gan đốt ruột, luân-hồi trong ba cõi, không chịu tìm đường ra khỏi cũng như bọn trẻ thơ dại dột bị nhốt trong một nhà lửa. Cái nhà lửa tam-giới ấy tức là gia-nghiệp vô-thỉ của chúng sanh vậy.

Nhờ đức Phật Thích-Ca là bậc đại-tri đại-giác, trải 49 năm trời, tuyên dạy chỉ bảo để cho chúng sanh biết ở trong nhà lửa là khổ đặng cùng nhau nối gót theo Phật lên con đường giải-thoát.

Phật biết chúng sanh tuy là sanh diệt vô-thường, nhưng vẫn có một thể-tánh sáng suốt thường còn bất sanh bất diệt, có thể làm cho chúng sanh ra khỏi nhà lửa tam-giới, chỉ vì chúng sanh đờng mê, nên không nhận được.

Chúng sanh vì mê cái tánh ấy nên giả dối tạo ra có sống có chết, có mình có người, tạo ra căn thân, ra dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới, rồi ở trong ba cõi gây nhơn, ở trong ba cõi chịu quả, sống rồi chết, chết rồi sống mãi mãi không thôi, mà chẳng biết toàn thể vũ-trụ, nhơn-quả, thánh phàm đều do tự-tâm tạo ra cả. Tất cả các pháp đều là tâm thì còn chi đâu mà phải khổ phải buồn, còn chi đâu mà phải sống phải chết. Phật biết chúng sanh như vậy nên tùy theo căn-cơ chỉ rõ cái đạo-lý sâu xa, những đường tu chơn-chánh để cho chúng sanh tùy sức mình tu tập dặng ra ngoài sanh tử.

Những bậc xuất-gia đã nghe lời Phật dạy, quyết chí thiệt-hành Phật-pháp, mới phát-nguyện ra khỏi vòng gia-đình để ra khỏi sự bó buộc và có thể chuyên tâm tu học Phật-pháp.

Chúng xuất-gia tùy theo giới-tướng chia ra năm bậc:

- 1.) Tỳ-Kheo,
- 2.) Tỳ-Kheo-ni,
- 3.) Thức-Xoa-Ma-Na,
- 4.) Sa-Di,
- 5.) Sa-Di-Ni.

Tỳ-Kheo chẳng những là các thầy đã phát nguyện giữ những cấm-điều Phật đã chế ra mà thôi đâu; Tỳ-Kheo lại có ba nghĩa là:

- a) Phá-ác,
- b) Bồ-ma,
- c) Khất-sỉ.

a) *Phá-ác*. — nghĩa là phá những điều dữ, là dứt trừ những điều dữ nơi mình và nơi người khác, mong cho ai nấy đều đổi tánh hung ác ra tánh hiền lành và lần lần tấn-hóa đến bậc đại-từ đại-bi của chư Phật.

b) *Bồ-ma*. — nghĩa là làm cho ma sợ, Ma có nội-ma và ngoại-ma: Nội-ma là phiền-não-chướng và sở-tri-

chương, tức là những thói quen mê lầm, có thể làm ngăn ngại cho đường tu tập; ngoại-ma là những nghịch-cảnh, ác-hữu, thiên-ma, ngoại-đạo, nó thường những nhiều những kẻ tu hành chơn-chánh.

Các bậc Tĩ-Kheo giữ đủ 250 giới, nội-ma và ngoại-ma đều phải khiếp phục không thể khuấy rối được, nên gọi là bố-ma.

c) *Khất-sĩ*. — Khất-sĩ có hai nghĩa; trên đối với Phật, cầu pháp vô-thượng thậm-thâm là khất-sĩ; dưới đối với chúng sanh, xin ăn nuôi thân để chúng sanh kết duyên với Phật-pháp cũng là khất-sĩ. Lối khất-thực rất lợi ích cho sự cũng là khất-sĩ hoằng-pháp và lại có thể giúp người tu hành dẹp được lòng ngã-mạn ngã-chấp và khỏi lo lắng về đường tư dưỡng, thiệt là một pháp rất qui hóa, tiếc vì theo tập-quán, không thể thiệt-hành ở xứ ta mà thôi.

Một ông thầy đạo Phật chẳng những phải giữ giới-tướng bề ngoài mà bề trong lại còn phải hiểu rõ đạo lý, tiêu-diệt phiền-não, phá trừ vô-minh và tu chứng Phật-đạo nữa thì mới xứng đáng làm Tĩ-Kheo, dự hàng Tăng-bảo của đạo Phật.

Vậy chỗ cốt-yếu của các bậc xuất-gia là tự-giác, giác-tha cho đến giác-hạnh viên-mãn, nghĩa là người xuất-gia phải tự mình giác-ngộ Phật-tánh và phải giác-tỉnh cho mọi người đều chứng Phật-tánh. Đức Thích-Ca vì chúng sanh mà xuất thế, lại vì chúng sanh mà chỉ dạy phương-pháp giải-thoát. Người xuất-gia là học trò Phật, lẽ nào chỉ lo phần mình mà chẳng thể theo lòng từ-bi của Phật xét tìm phương-pháp để trị tâm-bệnh của chúng sanh! Nếu những kẻ xuất-gia chỉ ở chùa tu niệm cho chừng đặn tâm-tánh của mình mà không có lòng hoằng-pháp độ sanh, thì có lợi ích gì cho đời, mà đạo Phật lại trở thành đạo ích-kỹ, còn đáng gì mà phải sùng-bái! Thiệt ra điều-dụng của đạo Phật rất rộng lớn bao la vô cùng vô tận; người đạo Phật cần phải tu theo cái thể như-như bình-đẳng, vô-ngã, vô-nhơn, toàn-thể chúng sanh là mình, mình là toàn-thể chúng sanh, nên tự-giác không ngoài giác-

tha, giác-tha không ngoài tự-giác, dầu nhứt cử nhứt động đều phải khế-hiệp với thể-tánh ấy mới thiết là tu theo đạo Phật. Nếu hằng ngày, việc làm khế-hiệp với thể-tánh của Phật thì còn ai đâu nữa mà chịu sống chịu chết, còn việc gì đâu nữa mà phải mê lầm khổ não. Được như vậy mới là giải-thoát, mới là tự-tại, mới thiết là xuất-gia, nghĩa là chính nơi tam-giới mà ra khỏi nhà lửa tam-giới.

## 2.) Tại-gia

Như trên đã nói, những bực xuất-gia cốt để trụ-tri Phật-pháp, nối dòng Phật-chúng; Phật-bảo, Pháp-bảo nếu không Tăng-bảo thì lấy ai mà hoằng-pháp độ sanh, vậy nên phải bỏ nhà thế-tục, đem tâm lo Phật-sự dặng giữa cõi Ta-Bà xây nền Tịnh-độ.

Còn tại-gia thì sao? Tại-gia cũng là Phật-tử, nếu đạt được thể-tánh của Phật và làm theo thể-tánh ấy thì tại-gia chẳng khác xuất-gia là mấy.

Phật-pháp tại thế-gian, bắt ly thế-gian giác; người tại-gia nếu rõ được lý “độ tức thân, thân tức độ”, thì Phật-pháp tức là thế-gian-pháp, nào phải ngoài sự tai nghe mắt thấy, ngoài lối công ăn việc làm của loài người mà riêng có Phật-pháp. Người đời sở dĩ luân-hồi trong ba cõi là vì lầm nhận cái sát thịt tứ-dại làm tự-thân, cái duyên-ảnh của lục-trần làm tự-tâm, nên trong một thể chơn-như, sanh ra có ngã có pháp, có sanh có tử. Nếu biết soi xét theo chánh lý thì rõ toàn-thể vũ-tru vi nhơn-duyên giả hiệp nên in tưởng là có; dù nhơn-duyên của cái sống thì gọi là sống, dù nhơn-duyên của cái chết thì gọi là chết, dù nhơn-duyên của cái cảnh thì gọi là cảnh, nhưng xét ra cho kỹ thì toàn là phép đối đãi không có tự-thể, chỉ vì mê lầm chấp-trước phân biệt nên in tưởng là có đó thôi. Các pháp tuy in tưởng là có, nhưng đã không có tự-thể thì đâu phải là thiết có. Các pháp đã không thiết có thì dầu ở thế-gian, nhưng thiết chưa hề ở thế-gian, dầu tại-gia nhưng chưa hề lúc nào tại-gia cả.

Nói về sự-tướng thì tại-gia có hai chúng là Ưu-Bà-Di và Ưu-Bà-Tắc đều phải giữ năm giới như sau này :

- 1.) Không sát sanh,
- 2.) Không dâm-tà,
- 3.) Không nói dối,
- 4.) Không trộm cắp,
- 5.) Không uống rượu.

Người tại-gia lại còn có phép thọ Bồ-tát giới, (giới này thông cả xuất-gia và tại-gia) và giữ đủ nhiếp-luật nghi giới, nhiếp-thiện-pháp-giới và nhiều - ích hữu-tinh - giới.

Người tại-gia mà giữ được năm giới hoàn toàn và lại biết phát Bồ-Đề-tâm, hộ-trì Phật-pháp thì cũng đã đứng là đệ-tử nhà Phật.

Lợi ích của hai chúng tại-gia đối với chúng sanh kể sao cho xiết, vì nếu một người trong gia-đình giữ được ngũ giới thì cả gia-đình đều thuần-cần, khuyến-hóa nhau không làm những sự ác nghiệp bất nhơn, thương luân bại lý ; lại nữa, người làm được một điều lành tức là bỏ một điều dữ, ảnh-hưởng đến người xung quanh không phải là ít.

Người tại-gia phát được đại-thừa-tâm thời cũng có thể gánh vác Phật-pháp như người xuất-gia vậy.

Vì sao ? Vì tuy người tại-gia, duyên trần chưa thể dứt, hoặc vì cha mẹ, vì vợ chồng con cái mà chưa thể xa lìa, nhưng giống đạo đã sẵn từ đời nào mà nay gặp được chánh pháp, thì tuy cảnh vẫn là cảnh trói buộc mà thân tâm riêng được thảnh thơi, chính trong chỗ mê lầm mà riêng tìm con đường giải thoát. Về phương diện độ-sanh, hạng này cũngặng nhiều phần lợi ích :

1.) Người tại-gia, hằng ngày trong cảnh nhiễm-ô, mở mắt toàn gặp sự trái tai chướng mắt, lòng tham, si mê đầy, ý sân, hận dễ lay, nếu chính trong chỗ khổ hoặc ấy mà diệt được liền, thì tu đã mau chóng mà sau ra độ sanh cũng rành đường chỉ vẽ.

2.) Người tại-gia bằng ngày lằng lóc gần gũi những hạng người dầy bụng tham, si, tràng hông ác độc, nếu hiểu được Phật-pháp, đem giống ấy gieo vào các tâm-tánh tham độc kia thì khác nào rọi một tia sáng trong đường tối tăm, đem đèn quang-minh chiếu nơi Địa-ngục. Đối với hạng người kia, người xuất-gia không làm sao gần gũi, một là vì họ bán pháp chẳng chịu lên chùa hoặc gặp thầy tu, hai là vì họ mắng lo sự ăn làm, cho đời người là sung sướng không còn muốn biết việc chi khác nữa; hạng ấy, duy kẻ tại-gia lằng lộn với đời, đồng cảnh-ngộ với họ mới có thể thừa dịp mà khuyến-hóa.

3.) Về sự thiệp thế. Người tại-gia rõ tâm-tánh người đời vì đã từng làm nên thông thạo. Nếu người nào ngộ được đạo Phật thời về sự phương-tiện hoằng-pháp được lợi lạc nhiều, vì y Tục-Đế mà bày Chơn-Đế, y nơi sự thấy nghe hay biết mà chỉ những chỗ mình đã từng trải qua vậy. Xét cho kỹ, nếu người tại-gia rõ được Phật-pháp mà hoằng độ chúng sanh thì cái dụng của hạng này cũng một phần lợi ích lớn.

..

Tóm lại, như trên tôi đã nói, các phận sự người xuất-gia và người tại-gia như thế, nay thử nghiệm nếu người xuất-gia mà chỉ xuất-gia bề ngoài thì thân tuy xuất-gia mà tâm vẫn là tại-gia, vì nếu còn tham luyện cảnh giả dối ở trần gian, thì tuy có gắng gương ở chốn Sơn môn, tinh-thần rồi vẫn phải luân-hồi trong ba cõi. Còn như người xuất-gia mà đạt được thể-tánh hoàn toàn, hạnh giải tương ưng thì tuy thân còn trong cõi Ta-Bà mà tâm vẫn được riêng vui miền Tịnh-Độ. Những người ấy đáng gọi chơn-Phật-tử, gánh vác ngôi Tam-Bảo, rộng độ khắp chúng sanh, làm tai mắt khắp cõi nhơn-thiên, công đức vô biên vô lượng.

Còn như người tại-gia, nếu ai căn cơ suy kém, mà đã phát tâm theo Phật thời nên giữ ngũ-giới cho trọn, làm kẻ hộ-pháp mà nhờ kiếp sau, gây được nhơn lành

ngày sau thế nào cũng sẽ hưởng được quả lành hoặc là gặp người thiện-tri-thức bày đường chỉ lối tu hành cho thoát khổ.

Còn ai là kẻ đã phát đại-thừa-tâm, thì tuy thân còn tại gia, tâm-tánh cũng phải noi đường xuất-gia mà bước tới. Gây nhơn vô-lậu, dứt sạch căn-bản phiền-não vô-minh, cố vượt ra khỏi luân-hồi, rồi quyết lặn lại trong chốn niêm-ô mà độ kẻ hữu-tinh, làm thế nào cho Phật-pháp nơi nơi đều nhuần khắp ; được như vậy mới gọi là rường cột trong giòng họ Thích, tai mắt trong chốn thuyền-lâm, dầu cho thân còn mang lốt thế-gian mà tâm đã sạch lâu lâu như gương không bụi.

Xuất-gia ! Tại-gia ! Ai là kẻ thừa đương Phật-pháp, tự nhận làm quy kính cho kẻ hậu-lai bầy gắng mà tu học, mà thiết-hành Phật-pháp đặng cùng nhau cải-tạo cõi Ta-Bà hóa thành thế-giới Cực-lạc.

Phật-giáo đại-học nữ học-sanh  
DIỆU-KHÔNG



## II. — MỘT BỨC THƯ DÀI, XIN HỎI Ý - KIẾN CHỊ EM NI-LU'U

**C**ảnh thống khổ bày trước mắt người có nhơn-ái khó  
làm lơ; lời thành-khẩn ở bên tai người có cảm-  
tưởng há bỏ qua ư ?

Chị em ni-lưu kiến - thức có thấy tình ta học của ni-lưu  
chúng ta xưa nay chăng ?

Thuở Phật Thích-Ca Nhu-Lai còn tại thế độ-sanh, phái  
nữ-lưu ai đến lễ Phật xuất-gia, thì Phật ngài phú thác cho  
bà Maba Prapati là di-mẫu của Phật chương quyền giáo-  
hóa; Phật lập tinh-xá riêng để cho phái nữ ở tu học. Thế  
nên trong thời kỳ đó, đạo Phật rất có trật-tự trang nghiêm,  
và Phật - pháp mới được tuyên-truyền khắp cõi dinh-hoàn  
mà thanh hành giáo - hóa đến đời nay, Song từ khi Phật  
 tịch về sau thì phái Thích-nữ càng ngày càng suy - vi mà  
Ni-tự cũng lần hồi tiêu-diệt Gần đây nghe đâu ngoài Trung-  
Bắc, đã có chùa Su-nữ mà xem chừng là của quý bà Phi,  
quí cô Tham tự lập chùa ở tu với vài ni-cô thân quyến.  
Còn Nam kỳ ta thì tuyệt nhiên, chỉ có một đôi chùa của  
quí bà quí cô dư ăn cất ra ở tu thân, chớ không phải vì  
chủ nghĩa lợi-tha mà phát tâm tạo tự; hẳn không có chùa  
nào là của các bà hảo-tâm tạo thành cúng cho ni-lưu, hay  
của qui-sư nam làm hướng-đạo lập ra cho ni-lưu ở tu học.

Thế nên lâu nay ni lưu xuất-gia rất nhiều, nhưng không  
có chùa để mà ở và chị em phải nương ở các chùa sư-  
nam. Mà phải chi quí-sư-nam họ từ-tâm chiếu - cố cho  
chúng ta tu học còn khá, phần nhiều họ chỉ phân phú cho  
chúng ta cái trách-nhiệm ở chốn vân-trù, không bao giờ  
được thông thả tu học như nam-giới. Thành thử chị em  
chúng ta chịu phần ngu dốt trót đời; nào có hiểu biết nghĩa  
lý, câu kinh lời luật, hầu thúc liễm thân tâm, diệt trừ  
nghiệp chướng. Vì vậy mới có cái nạn tội tệ xảy ra trong  
nhà chùa từ bấy lâu nay, chị em kiến thức có thấy chăng ?

Gia dĩ một đôi chị em có chút tinh - thần mộ đạo muốn tránh cái khổ ở nhà chùa, thì lại lên ở núi này, vào tu hang nọ, rồi gặp phải tà-sư ác-hữu bày chỉ tu hành, nào là nhập thất luyện thần cho hư mất diếc tai, nào là lạy hương uống bùa cho mỗi chơn xót ruột, nhiều khi gặp cảnh trở ngại, đành ôm khối hờn mà hờn-tục. Ôi ! thương hại biết bao.

Những sự thống khổ của ni-lưu xuất-gia, hiện-trạng như thế mà quý sư-nam hình như mắt lấp tai ngơ chưa thấy vị tôn-túc nào hay Hội Phật-Học nào quán niệm đến bọn yếu hèn chúng ta, thì thổ phùng pháp nào để giải quyết giùm nỗi thống khổ cho ni-lưu chúng ta nhờ.

Trong năm 1933 tháng Février, tôi có viết bài đăng trong Từ-Bi-Âm số 27 mà tổ ý yêu-cầu chư-sơn thiền-đức cảm niệm chúng ni-lưu mà quan tâm đến sự tu học của chúng ta. Từ ngày bài: « *Lời than phiền* » ấn hành sắp sau, thì tôi vẫn chờ đợi coi quan niệm của chư-sơn thiền-đức đối với ni-lưu ta cách nào, chờ mãi . . .

Đến ngày Đại-hội Nam-Kỳ Nghiên-cứ Phật-học, tôi vâng lệnh quý Hội ra diễn giảng, bài ấy có đăng trong Từ Bi-Âm năm 1935 tháng Avril, quyền 79 đại-ý tôi hết lời tỏ bày lợi hại và khuyên khích chị em nữ lưu học Phật, răn lo tu học và tổ-chức cho có đoàn-thể liên-lạc, hầu tạo thành cơ-sở, được tiếp dẫn hậu lai, thế nên trước khi tôi kết luận bài ấy thì tôi có khuyên chị em nữ-lưu lo thi-hành cái chữ-nghĩa kia cho cấp tiến, và sau rốt, tôi có đánh ba dấu hỏi mà cũng không thấy các chị em học Phật trả lời bằng cách nào.

Ôi ! tội nghiệp cho chúng tôi, đã tuyệt vô hy-vọng, thì tội đành ôm sầu cùng Phật-giáo chớ biết sao bây giờ ! May đâu được thấy cô Trần-Nguyên (Louise) là hạng tín-nữ tại-gia rất nhiệt thành với Phật-giáo, thêm có cảm tình với ni-lưu, cô đối với cảnh tượng của ni-lưu đương thời mà bất giác ngậm ngùi khó nổi làm thinh, nên có ngừng bút sự tề-gia mà nhìn nhúc thì giờ để viết bài tuyên bố Phật pháp và kỹ thuật sự giữa đường, sau rốt thì tỏ nỗi khổ-trạng của nữ-lưu xuất-gia mà khuyên lập ni-tự; bài ấy nhan đề: « *Cải bi cảm đối với ni-lưu đương thời* » đăng trong Từ-Bi-Âm số 82 ngày 15 Mai 1935. Lại mấy tháng trước, Lục Tỉnh Tân Văn có bài phỏng vấn về ý-kiến lập chùa ni-lưu thì các đại đức cũng đều hoan-hỷ tán thành.

Thế thì chị em ni lưu chúng ta cũng nên mừng, song chưa chi thiệt mừng, là vì các ngài có lòng bác-ái thật nhưng chỉ nói suông mà thôi, chớ hy-vọng chúng ta chưa có thấy kết quả.

Tôi còn nhớ bữa nọ tôi gặp một vị sư-tăng đi cố-động cho Hội kia, tôi mới làm lễ và thưa hỏi chương-trình sự thi-hành của qui Hội, thì vị sư ấy vui lòng tỏ cho tôi biết hết các việc, đưa chương-trình điều-lệ cho tôi xem, và bảo tôi vào Hội-viên sáng lập. Tôi vui mừng liền hỏi: « Bạch thầy, cái tôn-chỉ của qui-hội cốt để đào-tạo tăng-ni trở nên bậc nhân-tài, mà trong số 20 học-sanh có lẽ là phần nửa nam, phần nửa nữ chớ? xin lỗi thầy. »

Vị sư-tăng vui vẻ đáp: « Không, Hội còn thiếu về tài-chánh nên chỉ thu 20 học-sanh, dạy trước năm năm, rồi sau Hội sẽ lo tới nữ-học-sanh ».

Tôi nghe vị sư-tăng ấy nói, tôi nhích miệng cười mà nước mắt muốn tuông. Chị em lẽ cũng nên biết cho tôi trong lúc đó hĩ-bi giao-tập; tôi vui là vui cho Phật-giáo ở nước nhà xuất-hiện nhiều Hội Phật-Học, nhưt là cái hội có tôn-chỉ đào-tạo tăng-ni; song tôi buồn là buồn cho ni-lưu chúng ta không có hạnh-phước mà sanh ở về cái thời-dại Phật-giáo-hội mất hết lý từ-bi bình-dẳng!!!

Chị em hãy thử nghĩ coi, cả Nam-kỳ ta hơn hai ngàn cảnh chùa, cái số tăng-lữ quá nhiều, mà Hội to tát như thế chỉ thu 20 học-sanh! cái số tăng-lữ còn dư đến mấy trăm phần, thế thì ni-lưu chúng ta còn được ảnh-hưởng gì mà hy-vọng cho lương công.

Theo như lời của vị sư-tăng kia tả cách hành-động của Hội thì tôi tự nghĩ: Ni-lưu chúng ta cũng như người kia bệnh đã thùy-nguy đến thày xin thuốc, mà ông thày nói rằng: « Các người ráng đợi đề chúng tôi làm ăn có tiền hết thuốc sấm nhưng, rồi chúng tôi uống trước nước nhưt, còn nước nhì các người sẽ uống. » Vậy thì chị em chúng ta có chịu ốm bệnh mà chờ họ cho uống nước nhì, hay là chị em chúng ta tự đi kiếm bậy thuốc Nam mà uống cho đỡ bệnh?

Thế mà thôi, theo thời-kỳ khuôn-bách, Phật-học sơ khai, về cái phương-diện đào-tạo tăng-ni cũng khó mà tổ chức cho cụ-thể được, vậy nên sự giáo-dục của các Hội Phật-Học chưa phổ-cập đến ni-lưu chúng ta, và theo cái lý-

tưởng đó, chị em chúng ta cũng không nỡ nào phiền trách.

Cũng do nơi câu hỏi trên mà tháng Avril 1935, chúng tôi mới thân hành đến yêu - cầu cùng Hòa-Thượng Thích-Từ-Phong, Hòa-thượng Thích-Pháp-Ân và nhờ thầy Đại-đức Trang-Quần-Hung đi xin đơn lập chùa sư-nữ, đề hiệu Từ-Hóa-tự, tại làng Sơn Nhì, tổng Dương-Hòa-thượng, Gia-định.

Nhơn ngày Đại hội Lương-Xuyên Phật-học, tôi đến xem, tình cờ gặp quý cô cố-hữu, tôi mới đem ý-kiến mà bày tỏ, thì quý cô rất vui lòng, đều biểu đồng tình. Tôi liền từ giã quý cô mà trở về trước lo sắp đặt, kể ít ngày chị em chúng tôi cu hội, đi vận động tài-chánh mà thành-lập được một cảnh ni-tự, gọi là Từ-hóa-Tự; ni-tự này, chính là tiền của bá-tánh mà cũng là của chung tất cả ni-lưu.

Ni-tự tuy đã thành lập nhưng chưa thỏa-mãn hy-vọng của chúng tôi, chẳng qua chỉ là ảnh hưởng chút ít đó thôi.

Chúng tôi ước sao chị em nữ-lưu học Phật bỏ hẳn cái tánh phân rẽ, khác thầy khác tổ, riêng chùa riêng am là một cái quán-tập đê hèn của tăng-già lâu nay, mà từ đây cả ba kỳ và mỗi lĩnh đều được có chùa ni-lưu, và mong cầu tất cả chị em ni-lưu biết yêu thương nhau, biết kết đoàn thể liên lạc, chung hiệp ý kiến, đồng tuân theo một qui-diễn, tổ-chức được một cái giáo-bội nữ-lưu đặc biệt, cùng nhau tham cứu kinh điển, nghiêm-tịnh giới luật đặng duy-trì Phật-pháp trong thời-kỳ pháp-nhược mà cường này, thế mới mỹ mãn cái hy-vọng của chúng tôi.

Thưa quý cô ni-lưu, về thể-chất thì chúng tôi bực nhọc hơn quý cô, về trí-thức thì chúng tôi chường độn thua cả mọi người, thế mà chúng tôi không thủ phận yếu hèn, lại mong mỗi những sự vĩ đại, chắc chị em xem thơ này rồi, khó nín cười cho chúng tôi là tình sự viển-vông, chúng tôi xin công nhận tự thẹn như thế, song cái danh Thích-Nữ đã chịu lỗ, cái nợ cơm chùa đã dùng rồi, thì cái trách-nhiệm của trang học Phật biết bỏ cho ai mang. Vì vậy chúng tôi mới phô bày tâm sự, yêu-cầu chị em nữ-lưu học Phật giải quyết giùm, cái ý-kiến lập đoàn thể liên lạc đó, chị em học Phật có vui lòng biểu-đồng-tình không???

Mấy lời đường đột, xin chị em ni-lưu rộng lượng thứ cho.

Nam-kỳ THÍCH-NỮ kính cần



### III.—PHỤ-NỮ VỚI PHẬT-PHÁP

**N**gọn gió văn - minh tây phương thổi lòn qua bên đông phương ta, trừ phái nam-tử ra, phái phụ-nữ cũng tán-tiến: nào là phụ-nữ giải-phóng, phụ-nữ chức-nghiệp, phụ-nữ bình-quyền, bình-đẳng, tự-do . . .

Cái phong-trào ấy, một phần do chị em hấp-thọ cái văn-minh Âu-tây, một phần do nơi trình-độ học-vấn tri-thức của chị em thanh niên; cái trí-dục của chị em ngày nay xem có mùi tấn-bộ khá lắm. Còn đức-dục của chị em, dường như thoái-bộ thì phải. Có trí-dục mà không có đức-dục thì cái trí-dục ấy vô-bổ, mà lại thêm có hai. Còn có đức-dục mà không có trí-dục thì cái đức-dục ấy dường như ngọc quý sáng choang mà bị phải lọ lem như bần.

Cái đức-dục của chị em trước kia bị ghép vào cái chế-độ gia-đình, do nơi luân-lý của Khổng-Mạnh. Ngày nay cái luân-lý ấy nó bất-hạp với chị em nữa, chị em quyết đánh đổ nó, tránh xa xó bếp xó buồng, ra giao-tiếp với xã-hội, chia vai gánh vác với bọn nam-tử. Cái luân-lý ấy chị em đánh đổ mà chị em không đem cái luân-lý nào khác, tốt đẹp, thích-hạp hơn để thay thế cái luân-lý cũ kỹ kia mà rèn đức chị em trở nên người hiền đức. Cái đức-dục của chị em ngày nay thoái-bộ là vì lẽ ấy.

Cái luân-lý mà hạp thời thích nghi, dung hòa được cái trình-độ học-vấn tri-thức của chị em ngày nay, nếu ngoài cái luân-lý của nhà Phật ra thì chị em không còn có cái luân-lý nào để cho chị em tiến vào đường đức-dục nữa. Chị em mà hấp-thọ được cái luân-lý nhà Phật rồi, thì nơi gia-đình, chị em là người vợ hiền, người dâu thảo, là người mẹ có đủ đều hạnh-đức mẫu-giáo; nơi xã-hội, chị em là người có tánh duy-tha vong-kỷ, ích-quốc lợi dân, mưu cuộc tiến-hóa tốt đẹp cho xã-hội.

Phật-pháp lại thích-hạp với khoa-học thế-giới ngày nay, thì chị em không còn ngần ngại gì mà không chịu thờ cái luân-lý nhà Phật. Phật-pháp đã không mâu-thuẫn với công cuộc tấn hóa của chị em mà lại thêm giúp sức chị em được phấn-khởi, mạnh khỏe, giúp tinh-thần hăng-hái cho chị em ở các hoàn-cảnh. Và lại, công cuộc vận-dộng của chị em ngày nay đó, nó cũng không tương-phản với Phật-pháp chút nào cả, mà cái sự vận động của chị em đó nó ở nơi ngọn, chứ không được ở gốc. Chị em bình-tâm quan sát lại coi cái tinh-thần của những chữ tự-do, bình-đẳng, bình-quyền, giải-phóng nó bao la rộng lớn, cao siêu là dường nào, đâu có phải hẹp hòi như công cuộc của chị em đang tiến hành đó.

Những tiếng tự do, bình đẳng, bình quyền, giải-phóng ấy dường như những tiếng của nhơn loại bày ra đề ru cho chúng sanh đương bị thúc phược, bị bất-bình-đẳng, bị mất quyền lợi vân vân, cho yên dạ dặng dễ bề sống trong thành sâu bể khổ đó thôi.

Chị em hãy dòm mấy nước văn minh, chị em họ đã dặng tự-do, giải-phóng, bình-quyền, bình-đẳng từ bấy lâu nay, mà họ đã thoát khỏi trong bể trầm-luân chưa. Than ôi ! càng tự-do, càng bình-đẳng, càng giải-phóng bao nhiêu thì đức-dục càng trụy-lạc chừng ấy. Nếu đức-dục đã trụy-lạc thì càng tạo những điều nghiệp dục, tội chướng thêm nhiều, không khác nào như tượng quyết lợi khỏi bến Nê-hà mà càng lợi lại càng lún; than ôi ! thắm thay ! Chúng sanh sống trong thành sâu bể khổ mà lại hó hào : tự do bình-đẳng, bình-quyền, giải-phóng, thì không khác nào kẻ bị xiềng, gông, cùm mà miệng lại nói mình được tự-do ; chìm nổi trong lục đạo luân-hồi, xây lán theo bánh xe nhơn-quả, thân và tâm bị nghiệp lực cai quản mà nói rằng giải-phóng, thật đáng thương xót vô ngần !

Xã-hội muốn cường-thạnh, tốt đẹp thì do nơi gia-đình, gia-đình muốn cho được đầm ấm, cơm lành canh ngon thì nhờ hấp thọ đạo đức. Gia-đình không đạo đức thì chồng hiếp vợ, vợ không nhịn chồng, càng ở càng nghiêng ngã

đồ nát. Chồng biết tin đạo-dức, biết tin hơn-quả thì không dám hiếp vợ; vợ biết tội lỗi, sợ gây đều quả-báo thì không dám lấn lướt chồng. Chị em hấp thụ được luân lý nhà Phật thì nơi gia-đình, chị em là tấm gương chiếu sáng cho các gia đình khác, còn nơi xã-hội thì chị em là người ích quốc lợi dân, không phải sâu mọt của xã-hội.

Chị em chớ lầm tưởng Phật giáo là yếm - thế, là tiêu-cực là bất động. Không, Phật giáo vẫn hoạt động theo chủ nghĩa tích-cực luôn.

Chót hết, tôi xin nói lớn lên rằng: « Dẫu cho trình độ của chị em tiến-hóa đến bậc nào, Phật giáo cũng dung hòa được luôn ».

DIỆU PHƯỚC Bắc-liêu

---

---

## PHỒ - CÁO

---

Có nhiều độc-giả hỏi mua Viên-Âm từ số 1, nhưng vì nguyệt-san ra đã gần hai năm, những số còn lại không đủ, nhưt là số 3 và 4.

Vậy chúng tôi xin phép còn số nào thì gửi số ấy, khi nào tái bản sẽ gửi thêm cho đủ số.

Xin các ngài vui lòng.

Còn ngài nào có dư hai số ấy, hoặc không cần dùng đến, xin gửi về cho chúng tôi, chúng tôi xin gửi nguyệt-san mới khác đổi lại.

..

## XIN CHÚ Ý

Xin các ngài cứ đếm từ số 13 đến số 24 là mãn một năm (đừng kể tháng).

VIÊN - ÂM



# DIỄN - ĐÀN

---

NIỆT - BÀN

Bài giảng hôm rằm tháng hai năm Bảo-Đại  
thứ chín (29 mars 1934) tại Phật-Học-Hội,  
chùa Từ-Quang Huế

*Nam-mô A-Di-Đà Phật*

(Duyên - khí)

**N**ếu có người đột ngột hỏi các ngài « Sống để làm gì ? » chắc các ngài cũng ngạc nhiên, khó trả lời lắm.

Khó trả lời vì cái sống có nhiều tác-dụng rất phức tạp về học-thức, về thân-thể, về lý-ngĩa, về đạo-đức, nên khó chỉ cái gì là mục-đích

Thưa các ngài, câu hỏi đó gần 3.000 năm về trước, Phật đã trả lời thế cho chúng ta rằng : mục-đích của cái sống cốt để tìm những sự vui sướng.

Chán khổ ưa vui, tất cả chúng sanh đều thế : song ưa vui mà không biết thế nào là vui nên cũng khó bề được vui ; chán khổ mà không biết thế nào là khổ, nên cũng khó bề hết khổ.

Chúng sanh không biết vui là gì, khổ là gì, cứ gây nghiệp rồi chịu báo, lăn quẩn loanh quanh trong ba cõi sáu đường mà không biết tìm cách giải-thoát thì gọi là

mê. Những bực đã dứt sạch cái mê ấy, không còn bị ràng buộc trong vòng sanh tử, thường an-trụ trong cảnh an vui tuyệt-đối, thì gọi là ngộ. Cảnh an vui tuyệt-đối ấy tức là Niết-Bàn vậy.

Phật muốn cho chúng sanh hết đều thống khổ, đồng được an vui tuyệt-đối như Phật, nên ra đời làm người, mở đường phương-tiện, khi nói Quyền, khi nói Thiết, khi nói Không, khi nói Hữu, kinh điển vắn nhiều, pháp-môn vô-lượng, nhưng cũng không ngoài mục-dịch đối phó với căn bệnh chúng sanh, để cho chúng sanh tu tập chứng dạng Niết-bàn chứ không chỉ khác.

Ngày nay chánh-pháp thiếu người trụ-trì, kinh điển ít kẻ tham-học, nên lý-nghĩa hai chữ *Niết-Bàn* ít ai thấu đáo, cho đến những hàng thức-giả cũng lầm cho Niết-Bàn là cảnh tịch-diệt hư-vô như cảnh-giới ngoan-không của bọn Mạt-Xà-Lê là bọn đoạn-diệt ngoại-đạo.

Chính như Phạm-Quỳnh tiên-sinh, một nhà đại-văn-hào, đại-học-thức ở nước ta, mà trong quyển Phật-giáo đại-cương, cũng có nói rằng: « Có lẽ (tiên-sinh dùng hai chữ có lẽ) Niết Bàn là một cảnh hữu-hình thì cũng như Thiên-Đàng (Paradis) của Gia-Tô-giáo; nếu là vô-hình thì là một cảnh ngoan-không (néant), vì thế nên Phật không nói rõ Niết-Bàn là chi, vì sợ người tu-hành thấy chỗ kết-quả của mình là cái trống-không mà sanh lòng chán nản ». Lại có tạp-chí chỉ nói về ngoại-đạo mà cũng nêu hai chữ *Niết-Bàn* làm danh hiệu.

Bề ngoài thì nghị-luận phân vân không biết đâu là căn cứ, còn bề trong thì nghe đâu vài mươi năm về trước, một vị tự xưng là Pháp-sư giám trả lời rằng: « Niết-Bàn là hòn đá Niết-Bàn bên Thiên-Trúc ».

Vậy Niết-Bàn là gì? Là Thiên-Đàng chăng? Là ngoan không chăng? Là cái chơn-lý không có lý chỉ căn cứ nơi lòng tín-ngưỡng chăng? Là hòn đá bên Thiên-Trúc chăng? Đều ấy cần phải nghiên-cứu.

### (Định-Danh)

Trong quyển Viên-Âm số hai đã định danh hai chữ *Niết-Bàn* một cách rõ ráo.

Bài ấy chỉ rõ chẳng những tứ-thuyền, tứ-không không phải là Niệt-Bàn, cho đến cảnh-giới sanh-không chơn-như của các bực nhị-thừa, cảnh-giới pháp-không chơn-như của các bực Bồ-Tát, tuy cũng gọi là Niệt-Bàn, nhưng còn chưa phải là Niệt-Bàn của chư Phật.

Trong bài ấy có nói rõ hai chữ *Niệt-Bàn* là tiếng nói tắt, đúng theo tiếng Phạm là *Pàri Nirvana*, nghĩa là viên-tịch. 圓寂

Trọn đủ tất cả công đức thì gọi là Viên; như-như bình-đẳng, ra ngoài các hạn-lượng thì gọi là Tịch; gồm đủ ba đức: pháp-thân, bát-nhã, giải-thoát, thì mới được gọi là Niệt-Bàn của chư Phật.

### (Thê)

Thê-tánh của Niệt-Bàn là thanh-tịnh như-như, bình-đẳng bất-nhị, tuy diệu-dụng vô-cùng đủ các muôn hạnh muôn đức mà vẫn ra ngoài các hạn-lượng, ra ngoài các lối đối đãi, không thể đem cái tư-tưởng của phạm-phu mà suy xét đặng, không thể đem cái trí hữu-hạng của nhị-thừa mà đo lường đặng.

Nay tôi đem cái ngữ ngôn văn tự trong vòng đối đãi mà giảng đến thê-tánh Niệt-Bàn thì chẳng khác gì lấy ống dòm trời, đem nghề lượng biển; nhưng nếu không mượn ngữ ngôn văn tự thì biết lấy gì mà chỉ thê tánh ấy, vậy tôi trông mong các ngài đừng chấp nơi lời nói của tôi; chính nơi lời nói hẹp mà hiểu rộng, nơi lời nói ít mà hiểu nhiều, nơi lời nói không viên-mãn mà hiểu chỗ viên-mãn thời mới có thể nhận đặng thê-tánh Niệt-Bàn trong muôn một.

Cái thê thanh-tịnh của Niệt-Bàn là tuyệt-đối thanh-tịnh, nghĩa là dứt hết các sự đối đãi như thánh phàm, tịnh uế, sanh tử, quả non, cho đến thời-gian, không-gian, sắc, không, tâm, cảnh, chi chi cũng đều dứt sạch cả. Thê ấy bao trùm cả mười phương vô lượng thế-giới mà vẫn như-như bình-đẳng, dung-hòa tất cả chúng sanh trong sáu đường mà vẫn bất sanh bất diệt.

Kinh Pháp-Hoa có nói: *Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch-diệt tướng* 諸法從本來,常自寂滅將

tức là chỉ cái thể-tánh thanh-tịnh của Niệt-Bàn đó vậy. Cái thể tánh ấy thường ra ngoài các hạn-lượng nên diệu-dụng vô cùng; nói muốn hạnh muốn đức là chỉ nói về tổng số, kỳ thiết diệu-dụng của Niệt-Bàn tùy duyên mà ứng-hóa, không cuộc vào một nghiệp nào, một đời nào, một phương nào, nên công đức cũng vô-biên vô-lượng. Niệt-bàn tuy đủ vô-lượng công đức, nhưng chỉ nói ba đức sau này cũng đủ bao trùm hết. Ba đức là pháp-thân, bát-nhã và giải-thoát.

1) *Pháp-thân*. — Pháp-thân là tánh-đức, có thể chia ra hai môn :

a) *Pháp-tánh pháp-thân*, tức là thật-tướng, tức là cái thể Chơn-không bất-không; vì pháp-thân là Bất-không nên tuy không có sanh mà vẫn hóa ra vô-lượng ứng-thân; vì pháp-thân là không nên tuy hiện ra tất cả pháp-giới mà vẫn không nắm được một pháp nào là thiết có. Pháp-thân ấy tuy là tùy-duyên hiện thân hiện cảnh, nhưng vẫn là bất-biến không thay đổi; tuy là bất-biến tuyệt-đối thanh-tịnh nhưng vẫn tùy-duyên; vì vậy nên tuy Pháp-thân ở nơi Phật cũng không thêm, ở nơi chúng sanh cũng không bớt, mà tùy duyên nghiệp người hiện ra cái tánh loài người, tùy duyên công đức Phật hiện ra cái tánh của Phật.

b) *Phương-tiện pháp-thân*. — Phương-tiện pháp-thân tức là khi các đức Phật đã chứng đặng pháp-tánh pháp-thân rồi, tùy theo cơ duyên của chúng sanh mà ứng hiện vô-lượng thân để hóa-dộ. Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni tức là phương-tiện pháp-thân vậy.

Song phương-tiện pháp-thân và pháp-tánh pháp-thân thiết không rời nhau, vì có pháp-tánh pháp-thân mới biến hiện phương-tiện pháp-thân, mà cũng vì có phương-tiện pháp-thân mới biểu-lộ được pháp-tánh pháp-thân vậy.

2) *Bát-nhã*. — Bát-nhã thuộc về trí-đức, có thể chia ra nhiều bậc như là quyền-trí bát-nhã, thiết-trí bát-nhã v.v. Trí bát-nhã soi khắp hằng sa quốc-độ mà không thấy cái gì là rộng lớn, soi thấu thể tướng một vi-trần mà không thấy cái gì là hẹp hòi, toàn-thể các pháp đều soi biết một cách chơn-thiết không lầm, nên gọi là bát-nhã. Người thường hay so sánh trí bát-nhã sáng suốt với mặt trời: song ánh sáng

mặt trời hữu-hạng, dầu cho đối với thế-giới mình mà gặp núi thì bị cách, gặp vách thì bị ngăn chớ không phải như tri bát-nhã, sáng suốt đến nỗi không còn gì ngăn ngại được nữa.

3.) *Giải-thoát*. — Giải-thoát thuộc về đoạn-đức, chia ra làm hai bậc:

a) *Giải-thoát của bậc nhị-thừa*. — là lối giải-thoát của những bậc đã diệt hết các món phiền-não trong ba cõi, không còn phân-biệt ngã-chấp, cu-sanh ngã-chấp và chứng đặng Sanh-không và Sanh-không chơn-như. Bậc này đã dứt đặng phân-đoạn sanh-tử, nhưng vì còn pháp-chấp nên chưa khởi biến-dịch sanh-tử. Chỗ chứng ngộ của bậc nhị-thừa chưa được hoàn toàn, vẫn còn mắc vào thiên-chơn 天真, không thể làm việc lợi ích cho tất cả chúng sanh nên Phật quả là *Khởi-thân diệt tri 灰身滅智*.

b) *Giải-thoát của các bậc đại-thừa*. — Các bậc đại-thừa Bồ-tát đã dứt sạch ngã-chấp và pháp-chấp nên hóa-độ tự-tại, song vì còn một phần *vi-tế sở tri ngu* nên chưa chứng được thể-tánh Niết-Bàn một cách rốt ráo. Các bậc Bồ-Tát đối với các pháp đều rõ biết một cách chơn-thật không còn sai lầm, nên chính nơi vọng mà chứng chơn-tánh, chính nơi tam-giới mà chứng Niết-Bàn.

Cái giải-thoát của bậc Bồ-Tát là tuyệt-đối giải-thoát chớ không phải cái đối-đãi giải-thoát của các bậc nhị-thừa. Tuy vậy, những tập-quán mê lầm chưa chuyển hết thì pháp-thân chưa viên-mãn nên gọi các bậc Bồ-Tát là *Phần chứng thanh tịnh pháp-thân*, hoặc là *Phần chứng chơn-giải-thoát*.

Đến bậc Phật thì hoàn toàn thanh-tịnh sáng suốt, dụng tức là thể, thể tức là dụng, không còn một pháp có thể làm ngăn ngại, nên gọi là *Chơn giải-thoát*.

Thưa các ngài, tôi muốn chỉ rõ thể-tánh Niết-Bàn nên phải chia ra ba đức như trên, nhưng đối với thể-tánh ấy thì một tức là ba, ba tức là một; nói *Pháp-thân* tức là gồm đủ *Bát-nhã*, *Giải-thoát*, nói *Giải-thoát* tức là gồm đủ *Bát-nhã*, *Pháp-thân*, cho đến nói *Bát-nhã* tức là gồm đủ *Pháp-thân*, *Giải-thoát*.

Cảnh-giới Niết-Bàn của Phật là bất-kbā-tu-nghi, trong ấy cái danh-tướng Niết-Bàn cũng không còn, huống nữa là pháp khác.

Kinh Lăng-Gia có câu : « *Nhứt thể vô Niệt-Bàn, vô hữu Niệt-Bàn Phật, vô hữu Phật Niệt-Bàn, viễn li giác sở giác, thị nhị tất tu li* 一世無涅槃, 無有涅槃佛, 無有佛涅槃, 遠離覺所覺, 是二必俱離 nghĩa là : «hết thấy không Niệt Bàn, không có Phật chứng Niệt-Bàn, không có Niệt-Bàn của Phật, xa lìa năng-giác và sở-giác hai cái ấy thấy đều li cả». Câu ấy chỉ rõ thể-tánh Niệt-Bàn vô-trụ vô-trước, không còn Phật năng-giác và Niệt-Bàn sở-giác, duy có thể lấy trí vô-phân-biệt mà tu chứng chớ không thể phô-bày ra ngữ ngôn văn-tự.

### (Tướng)

Thể-tánh Niệt-Bàn tuy không thể phô bày ra ngoài văn-tự, nhưng tùy theo công quả tu hành dứt trừ những sự mê, chấp đến bậc nào thì phương-tiện cũng có thể chia ra nhiều bậc Niệt-Bàn, như Niệt-Bàn của Thanh-văn, Niệt-Bàn của Bồ-Tát, Niệt-Bàn của Phật, văn vân.

Trước khi Phật xuất thế, ở Ấn-Độ các phái ngoại-đạo cũng đã dùng chữ Niệt-Bàn đã chỉ cái cực-quả của đạo mình : Thuận-Thế ngoại đạo thì chấp rằng chết rồi là mất hẳn rồi gọi đó là Niệt-Bàn; ngoại đạo thờ Ví-Nục-Thiên thì chấp cõi trời Dục-giới là vui sướng và cho rằng chúng lên cõi đó là Niệt-Bàn; lại có ngoại đạo chấp cõi Sơ-thuyền, cõi nhị-thuyền, cõi tam-thuyền, cõi tứ-thuyền là Niệt-Bàn hoặc chấp không-vô-biên-xứ, thức-vô-biên-xứ, vô-sở-hữu-xứ phi-tướng phi-phi-tướng-xứ là Niệt-Bàn. Các ngoại đạo hoặc chấp Niệt-Bàn là một cõi tốt đẹp vui vẻ, hoặc chấp Niệt-Bàn là một định quả cao sâu màu nhiệm nhưng vẫn còn non nã, pháp nã, nên không ngoại đạo nào biểu hai chữ Niệt-Bàn như đạo Phật cả. Niệt-Bàn theo đạo Phật có bốn tầng bậc là :

- 1.) Hữu-dư-y Niệt bàn,
- 2.) Vô-dư-y Niệt-bàn,
- 3.) Vô-trụ-xứ Niệt-bàn,
- 4.) Tánh-tịnh Niệt-bàn.

1.) *Hữu-dư-y Niệt Bàn*. — Hàng nhị-thừa tu theo phép tứ-đế biết cái quả khổ sanh tử do phiền-não tập-nhơn sanh ra nên tu tập chỉ quán theo 37 phép trợ đạo, hoặc theo chín

lớp định, hoặc theo tám món bội-xá vân vân, dặng dứt trừ các tập-nhơn ấy, đến khi phân-biệt ngã-chấp đã tiêu-diệt, cu-sanh ngã-chấp đã phục, thì tuy vì nghiệp-nhơn còn sót lại, phải chịu quả phân-đoạn sanh tử năm bảy đời, song ngã chấp đã phục thì ở trong sanh tử vẫn được tự-tại, không còn bị phiền-não ràng buộc được nữa.

Không bị phiền-não ràng buộc là Niệt-bàn, nhưng vì chưa hết phân-đoạn sanh-tử, chưa ra khỏi tam-giới nên gọi là *Hữu-dư-y Niệt-Bàn*.

2.) *Vô-dư-y Niệt-bàn*. — Các bậc A-La-Hán chứng cực-quả của Thanh-Văn-thừa, đã dứt trừ cu-sanh ngã-chấp, ngã-ái chấp-tàn đã bỏ, thất thức thường tương-ung với vô-ngã trí, nên ra khỏi luân-hồi, không còn bị phân-đoạn sanh-tử nữa; vì không còn mắc phân-đoạn sanh-tử nên gọi là Niệt-bàn của các bậc A-La-Hán, là *Vô dư-y Niệt-bàn*.

3.) *Vô-trụ-xử Niệt-bàn*. — Các bậc A-La-Hán tu nhơn giải-thoát mà chứng quả giải-thoát, nhưng chưa biết nguồn gốc nhơn quả thì chưa dặng tự tại. Đó là vì không rõ pháp-tánh như-như bình - dặng nên chấp có thiệt-pháp phải tu, chơn-quả phải chứng.

Các vị Bồ-Tát thì khác, các vị Bồ-Tát hiểu rõ tam-giới duy-tâm, vạn pháp duy-thức nên không thấy thiệt có sanh tử phải tránh, thiệt có Niệt-bàn phải chứng, tuy thường vào trong tam-giới mà hóa-độ chúng sanh, nhưng vẫn thường nhận toàn-thể pháp-giới là như-huyễn không thiệt, ra ngoài các môn đối đãi: hữu, vô, sanh, diệt, cấu tịnh, thường, đoạn, khứ, lai vân vân. Các vị Bồ-Tát tu phép lục-độ, phá trừ phân biệt pháp-chấp và cu-sanh pháp-chấp, xả được dị thực-thức, chuyển thất-thức thành bình-dẳng tánh-trí, thiệt chứng pháp-tánh như-như bình-dẳng, ra ngoài các hạng lượng nên chứng dặng *Vô-trụ-xử Niệt-bàn*.

Các vị Bồ-Tát trong Vô-trụ-xử Niệt-Bàn hiện vô-lượng thân trong vô-lượng kiếp mà độ thoát chúng sanh, đến khi tự-giác giác tha, giác-bạch viên-mãn, chuyển nhứt-thế-chủng-thức thành nhứt-thế-tri-trí thì được chứng *Tánh-tịnh Niệt-Bàn* của chư Phật.

### (Dụng)

Diệu-dụng của Niệt-Bàn bao la rộng lớn, trừ những bậc Đại-Bồ-Tát đã thiệt chứng ít phần, thì không sao mà ỨC

đạt cho được: Ví như cái thề hư-không, không biết đầu là ngấn-mé, cái diệu-dụng của Tánh-tĩnh Niết-bàn vô-biên vô-lận, không biết đầu là cùng tột. Cái dụng ấy không mê không chấp, không trụ, không trước, không ngã, không nhơn, không năng, không sở, ra ngoài hạng-lượng của thời gian và không gian, ra ngoài những sự ngăn ngại của phiền-não tập khí, cho nên tất cả chúng sanh đều nương nhờ diệu-dụng ấy mà ra ngoài các sự khổ-não.

Diệu-dụng của Vô-trụ-xứ Niết-Bàn cũng gần như vậy, nhưng vì còn mắc vi-tế sở-tri-ngu làm ngăn ngại một ít nên chưaặng viên mãn.

Diệu dụng của Vô-như-y Niết Bàn, hữu-dư-y Niết Bàn tuy có phần hẹp hòi, nhưng cũng đã trừ phiền-não-chướng và chúng quả vô sanh, thường vui trong cảnh giới giải thoát, ra ngoài các sự khổ-não, chẳng phải những hàng Tứ-Không-Thiên và Tứ-thuyền-Thiên trong tam-giới vô-thường mà sanh viặng.

Về phần độ-sanh, các bậc nhị-thừa thánh nhơn cũng có độ-sanh, nhưng chỉ độ những kẻ hữu duyên mà thôi. Cũng như một người sức yếu chỉ vượt được thân quyến của mình, chứ không thể lướt sóng vượt nước tìm vượt những kẻ khác, các bậc nhị-thừa hãy còn pháp chấp, chưa được tự-tại nên chưa đủ sức rộng độ chúng sanh lên đường giải-thoát. Đến như diệu-dụng Vô-trụ-xứ Niết-Bàn của các vị Bồ-Tát thì vượt ra khỏi các pháp thế-gian và xuất-thế-gian, trên thì theo lòng từ-bi rộng lớn của chư Phật, dưới thì theo lòng trông mong cứu độ của chúng sanh, không luận thế-giới nào, chúng-loại nào, tùy chỗ sở-hảo của chúng sanh mà thị hiện, tùy theo căn-cơ của chúng sanh mà hóa-độ, khi hiện thân Bồ-Tát, khi hiện thân La-Hán, khi hiện thân Thiên-Vương, khi hiện thân Tỳ-Kheo, khi làm đàu-ông, khi làm đàn-bà, khi làm người giàu sang, khi làm kẻ nghèo cực, từ Địa-Ngục cho đến phi-phi-tướng thiên không nơi nào là không hiện thân để phương-tiện dắt dẫn chúng sanh lên con đường giải-thoát. Ví như dương buổi trời nắng, một trận mưa rào, cây lớn đượm-nhuần theo sức lớn, cây nhỏ đượm-nhuần theo sức nhỏ, diệu-dụng của Vô-trụ-xứ Niết-Bàn cùng mười phương, khắp ba đời, không nơi nào là không ơn tế-độ. Các bậc Bồ-Tát phát diệu-dụng như vậy tức là tu nhơn làm Phật, tu

cho đến khi giác-hạnh viên-mãn là chứng *Tánh-tĩnh Niết-Bàn* của Phật.

Tôi nói đến đây chắc các ngài muốn hỏi rằng diệu dụng của chư Phật, chư Bồ-Tát trùm khắp như kia, sao nơi chúng tôi lại chưa thấy có ảnh-hưởng ?

— Thưa các ngài, tất cả chúng sanh đều được chánh-lý, tin được chánh-pháp, tu chứng được ít phần giải-thoát đều nhờ ảnh-hưởng ấy cả. Ví như mặt trời sáng khắp ra cả mọi nơi, dầu cho người mù không thấy ánh-sáng nhưng vẫn chịu ảnh-hưởng của mặt trời; diệu dụng của chư Phật, chư Bồ-Tát cùng cả pháp giới, ảnh-hưởng khắp cả loài hữu-tình, chỉ vì chúng ta đương mê chấp nên không nhận rõ đó thôi. Song chúng ta ngày nay không mắc vào những lối dị-đoan mê-tín, lại được nghe Phật-pháp, biết tin Phật-pháp là nhờ ơn-đuyên của diệu-dụng chư Phật, chư Bồ-Tát mới được vậy. Nếu chúng ta không cam tâm nội chìm trong bể khổ, quyết chí tu hành theo Phật-pháp, thì lo gì không người mở lối đem đường dạo lần lần chứng đến Niết-Bàn của Phật.

Diệu-dụng của Tánh-tĩnh Niết-Bàn đủ cả bốn đức : thường, lạc, ngã, tịnh ; không còn cái tướng vô-thường là đức thường, không còn mắc sự khổ-não là đức lạc, không thể bị lay chuyển là đức ngã, không thể có nhiễm-ô, là đức tịnh. Chúng sanh ai cũng ưa thường, lạc, ngã, tịnh thì ai ai cũng nên nhận cho biết thế nào là chơn-thường, thế nào là chơn-lạc, thế nào là chơn-ngã, thế nào là chơn-tĩnh lặng cùng nhau tu hành theo Phật-pháp cho đến khi công-hạnh viên-mãn thì chắc chắn chứng được thường, lạc, ngã, tịnh, của chư Phật. Trong bốn đức, duy có đức *chơn-ngã* là tối cao tối diệu, riêng cho các bậc đại-thừa chớ chẳng phải đem tâm-trí tiểu-thừa mà dòm thấy được.

Đức Phật Thích-Ca khi sơ-sanh nói câu : « *Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn* » là muốn tiêu-biểu mục đích ngài ra đời cốt để khai-thị cho chúng sanh cái chơn-ngã đó vậy. Nhơn-ngã, pháp-ngã của phàm-phu nhị-thừa như cục nước đá, chơn-ngã như nước biển, người tu hành cốt để tiêu cho hết cục nước đá nhơn-ngã, pháp-ngã rồi thời mới nhận được toàn-thể nước biển của chơn-ngã.

Chơn-ngã là chi? Chơn-ngã tức là Thanh-tịnh pháp-thân là Yêm-ma-la thức, là nhứt-thể-tri-trí, là vô thượng chánh-biến-giác, mẫu nhiệm không biết đầu là cùng tột, sáng suốt không biết đầu là ngan mé. tự-tại tự-tại bình-dương bình-dẳng, công đức vô-biên vô lượng, không thể đem lời nói trong vòng đối đãi mà phô bày ra được.

### (Quán)

Như trên đã nói, diệu-dụng của Niết-bàn đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh, vậy người tu hành cần phải tu thế nào cho chứng được bốn đức ấy. Tôi nói cho chúng đặng bốn đức, vì mục-dịch của chúng ta học Phật cốt để cho thành Phật, mà muốn thành Phật thì phải đủ bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh của Niết-bàn vậy.

Vấn biết Hữu-dư và Vô-dư Niết-bàn của nhị-thừa thánh-nhơn không phải là không đáng quý, nhưng mục-dịch cứu kính của chúng ta không phải nơi đó. Chúng ta hiện cùng tất cả chúng sanh bị khổ sanh tử nên phát tâm tu hành, chúng ta cần phải tu hành thế nào cho chúng ta và tất cả chúng sanh đồng được lợi ích, lẽ đâu được một ít đã cho là đủ, không chịu gắng sức tấn hóa cho đến chỗ tự-giác, giác-tha, giác-hạnh viên-mãn; vậy chúng ta cần phải y theo bốn đức thường lạc, ngã, tịnh, mà tu Chơn-Quán.

Trong Lăng - Nghiêm Trục - chỉ, ngài Đôn - Hà có câu :  
« Tâm bất ly thức, thường Niết-Bàn ư lưu chú chi trung ; thức bất ly tâm, đồ sanh tử ư thường-trụ chi nội 心不離識,常涅槃於流注之中, 試不離心, 徒生死於常住之內 », nghĩa là « tâm chẳng rời thức, thường Niết-bàn ở trong lưu chú, thức chẳng rời tâm. luống sanh tử ở trong thường trụ .»

Thức là dụng của tâm, tâm là thể của thức, thức có phân biệt nên bản-lai là vô thường, tâm không phân biệt nên bản lai là thường trụ. Tâm thường trụ không rời thức nên gia đối hiện cảnh vô thường, thức phân biệt không rời tâm nên thiết-thể vẫn là thường-trụ. Chúng ta phải một phen thừa nhận cái thiết-thể của mình, hằng ngày thoát

ly những tướng sanh diệt đặng quan sát cái thể thường trụ của mình, quán sát cho đến khi trực nhận được cái thể thường-trụ ra ngoài các tướng sanh diệt.

Đã nhận được cái thể thường-trụ rồi, phải nương theo cái thể thường-trụ, quan sát các tướng sanh diệt để nhận rõ thể thường trụ nơi tướng sanh diệt. Nhận được thể thường trụ trong tướng sanh diệt rồi thì mới biết tuy in tưởng có sanh mà thiệt ra không có gì đáng gọi là sanh tuy in tưởng có diệt mà thiệt ra không có gì đáng gọi là diệt, cho đến không có phiền não, không có luân-hồi, không có chơn vọng mê ngộ, không có năng tri, sở tri, năng chứng, sở chứng, được như vậy mới chứng rõ các pháp biến hiện như duyên không có tự tánh và mới có thể chính nơi tam-giới mà thoát ly am-giới. tuy hiện thân hóa độ tất cả chúng sanh mà vẫn thường hưởng pháp-lạc trong cảnh chơn-như tuyệt đối.

Rõ được tánh chơn thật của các pháp rồi thì tùy duyên hiện ra thân, hiện ra cảnh trong vô-lượng vô số kiếp mà không mắc vào một thân nào, một cảnh nào cả.

Y như nguyên lực rộng lớn mà phương tiện hóa độ quần sanh chuyển kẻ dữ ra người lành, chuyển uế-đệ thành Tịnh-Đồ, trên một đầu mây lông chớ đủ thập phương quốc-đô, vào trong một vi-trần mà thuyết pháp lợi sanh, lớn thì không chi lọt ra ngoài, nhỏ thì không chi chen vào trong, pháp-giới là thân, pháp-giới - tánh là tâm. tự-tại làm ra nhưn, tự-tại tạo ra quả, nhưn quả đồng một thời, ra ngoài tất cả hạn lượng; thể mới gọi là chơn-tự-tại, chơn-giải-thoát.

Được chơn-tự-tại, chơn-giải-thoát rồi thì đầu đầu cũng là pháp-thân, đầu đầu cũng là Tịnh-Đồ. Cảnh-giới ấy chỉ gượng gọi là Thanh-tịnh pháp-thân, là Tánh-tịch Niết-Bàn mà thôi; chứng được Tánh-tịch Niết-Bàn, tức là thành Phật.

Nam mô A Di Đà Phật  
Trúc-Lâm Thích mặt-Khế giảng

---

# ĐẠI Ý KINH THỦ-LĂNG-NHIÊM

---

Phật nương nơi Kiến-Tinh chỉ rõ Như-Lai-Tạng (Chơn tâm)

(Tiếp theo)

---

*Tánh thân là nhất chơn tuyệt đãi, ra ngoài  
các nghĩa: « thị và phi - thị »*

Đoạn này ông A-Nan nhờ Phật phá trừ điên-đảo vọng tưởng từ tầng từ lớp, mới đem cái điên-đảo vọng-tướng hoàn toàn mà phô bày ra : ý ông nói : « Theo lời Phật dạy, tôi hiện thấy cái chơn-tánh tôi là vật ở trước mặt. Nếu vật ấy thật là chơn-tánh của tôi thì thân tâm tôi hiện nay chẳng phải là tôi hay sao? Mà thân tâm tôi có thể phân biệt cái chơn-tánh trước mặt đó, chớ chơn-tánh ấy không thể phân biệt được thân tâm tôi. Nếu cái chơn-tánh kia thật là tôi thì thân-tâm tôi là vật, thế thì vật lại phân biệt được chơn-tánh hay sao? Dầu cho chơn-tánh kia phân biệt được thân-tâm tôi đi nữa mà cái phân biệt của nó vẫn không dính gì đến tôi, còn thân-tâm tôi đây rõ ràng là tôi, thế có phải chơn-tánh là vật lại thấy được tôi hay sao, chỗ đó tôi rất nghi ngại, xin nhờ Phật từ-bi khai-thị ».

Ông A-Nan nghi ngờ như vậy vì mê vật làm mình, mê mình làm vật, nhận sắc-thân là mình, mê tâm-tánh bắt cuộc vào trong sắc-thân, rồi đem cái vọng-tướng cuộc trong sắc-thân kia, hiện ra pháp-trần y theo lời Phật dạy, và chấp pháp-trần đó là cái chơn-tánh, nên mới cho rằng chơn-tánh là vật ở trước mặt. Nếu chỗ ấy không rõ thì dấu thấy tâm mình trùm khắp mười phương, thường-trụ không đời, cũng chỉ là cái thần-ngã của ngoại-đạo mà thôi.

Phật muốn phá cái đảo-tưởng ấy nên mới bảo ông A-Nan chỉ cái chơn-tánh mà ông cho rằng « hiện ở trước mặt », Đến đó ông A-Nan thiệt chẳng biết chỉ vào đâu và phải thú thiệt rằng : « Những cái có thể chỉ được đều là vật chớ không có gì là cái thấy cả »

Phật ấn-chứng cho là đúng, song lại e ông A-Nan bỏ cái tánh thấy hiện-tiền mà chấp là không có, nên mới hỏi lại một lần nữa để cho ông A-Nan phát minh ra cái nghĩa : trong các vật hiện tượng không có cái gì là « phi cái thấy »

Đó là vì Năng không thể rời Sở, Sở không thể rời Năng Năng với Sở đồng một thời mà phát-hiện ; vừa biết có Sở thì đã có Năng, vừa biết có Năng thì đã có Sở, tuy về nghĩa lý thì có khác : một bên là năng-kiến, một bên là sở-kiến, một bên là tâm, một bên là cảnh ; chớ về thiệt-dụng thì không thể rời nhau, vì do nơi tâm mới hiện ra có cảnh, mà do có cảnh mới rõ được tâm vậy.

(Còn nữa)  
Viên-Âm

---

### Đính chánh số 16

---

Trang 41, hàng 21 . . . . .	tự tại phát khởi...
Xin đọc . . . . .	tự tại phát khởi...
Trang 47, hàng 11 . . . . .	« Tôi nay ở trong...
Xin đọc . . . . .	« Tôi nay ở trong...
Trang 56, hàng 2 . . . . .	trong mộng thời...
Xin đọc . . . . .	trong một thời...



經

首楞嚴經

(續)

不阿語矯  
 然慰實死  
 茫安真不  
 言愍是種  
 此守憐王四  
 佛所生法黎  
 聞其心上伽  
 者失懼無未  
 學悚變子非  
 無惶慮男妄  
 非時魂善不  
 眾一其諸誑  
 大始知眾不  
 是終來大說  
 於義如諸如  
 知是及所論  
 難如亂  
 眾中(世空  
 言色  
 有所來於  
 薩如淨  
 阿語矯  
 慰實死  
 安真不  
 憐王四  
 所生法黎  
 其心上伽  
 失懼無未  
 悚變子非  
 惶慮男妄  
 時魂善不  
 一其諸誑  
 始知眾不  
 終來大說  
 義如諸如  
 是及所論  
 知是及所  
 難如亂  
 眾中(世空  
 言色  
 有所來於  
 薩如淨  
 大佛見  
 在白精  
 在而種  
 眾而二  
 四敬二  
 諸恭明  
 愍掌發  
 子合來  
 王足如  
 法佛悟  
 利禮不  
 師頂眾  
 殊起大  
 文座諸  
 從此非  
 即尊是  
 世指故慈  
 佛其空體  
 於虛明  
 應義如物  
 者是願何  
 見知唯是  
 是不鮮元  
 若今輕精  
 象而根見  
 等矚善此  
 空所昔與  
 色無疇象  
 緣應是物  
 前者非諸  
 此見怖此  
 若非驚明  
 若有發間  
 告自華云  
 其空體  
 於虛明  
 善相妙  
 大想提  
 及所菩  
 來并是  
 如緣元  
 劣見緣  
 十與及  
 眾見非  
 大中是  
 諸地有  
 及摩所  
 殊三無  
 文住本  
 告自華  
 佛其空  
 於虛明  
 薩如淨

是是日，本與但妄性，  
 殊；魚今是；及殊，為明  
 文殊我如空文名覺  
 有文然復色月明妙  
 更真殊亦為非發精  
 殊我文相。塵，妄誰種真  
 文尊，二空，又月。種是  
 汝世則非諸真月非塵，由  
 如是者是與圓是月與是  
 汝如是無明淨為是見非指。))  
 問殊有實妙提誰無觀是非  
 今文若中見善月，自今出指  
 吾無故於此。上二間汝出  
 殊為以殊言。無第中以於汝  
 文者，何文佛明如真，是能令  
 文殊，何文佛明如真，是能令  
 文非無妙聞一月，不能故

(未完)

# KINH DIỄN ÂM

THỦ LĂNG NGHIÊM KINH (SURAMGAMA)

(1UC)

Ư thị đại chúng phi vô học giả, văn Phật thủ ngôn, mang nhiên bất tri thị nghĩa chung thủy, như thời hoàng tủng thất kỳ sở thủ.

Như lai tri kỳ hồn tử biến tập, tâm sanh lân mãn, an ủy A-Nan cập chư đại chúng: «Chư thiện nam tử, vô thương Pháp-vương, thị chơn thiết ngữ, như sở như thuyết, bất cưỡng bất vọng; phi mặt-giả-lê tứ chủng bất tử kiều loạn luận nghị; như để tư duy, vô thiềm ai mộ».

Thị thời Văn-Thủ-Sư-lợi Pháp-vương-tử mãn chư tứ chúng, tại đại chúng trung, tức tùng tọa khởi, dẫn lễ Phật túc hợp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn: «Thế-tôn, thử chư đại chúng bất ngộ như-lai, phát minh nhị chủng tinh-kiến sắc không thị phi nghĩa.

Thế-tôn, nhược thử tiền duyên sắc không đẳng tượng, nhược thị kiến giả ung hữu sở chỉ, nhược phi kiến giả ung vô sở chúc, nhi kim bất tri thị nghĩa sở qui, cố hữu kinh bố, phi thị tru tích thiện căn khinh tiến, duy nguyện như-lai đại từ phát minh, thử chư vật tượng dữ thử kiến-tinh, nguyên thị hà vật, ư kỳ trung gian vô thị phi thị.»

Phật cáo Văn-Thủ cập chư đại chúng: «Thập phương Như-lai cập đại Bồ-tát, ư kỳ tự trú tam-ma-địa trung, kiến dữ kiến duyên tinh sở tưởng tượng, như hư-không hoa, bản vô sở hữu; thử kiến duyên, nguyên thị bồ-đề diệu-tịnh minh-thê, vân hà ư trung hữu thị phi thị.

Văn-Thù, ngô kim vấn nhữ : như nhữ Văn-thù, cánh hữu Văn-Thù thị Văn-Thù giả, vi vô Văn-Thù?

— Như thị, Thế-tôn, ngã chơn Văn-Thù ; vô thị Văn-Thù, hà dĩ cố : nhược hữu thị giả tắc nhị Văn-Thù ; nhiên ngô kim nhứt, phi vô Văn-Thù ; ư trung thiết vô thị phi nhị tướng ».

Phật ngôn : « Thử kiến diệu-minh dữ chư không trần, diệt phục như thị ; bản thị diệu-minh vô thượng bồ-đề tịnh-viên chơn-tâm, vọng vi sắc không cập dữ kiến văn ; như đệ nhị nguyệt, thủy vi thị nguyệt hựu thủy phi nguyệt. Văn-Thù, dẫn nhứt nguyệt chơn, trung gian tự vô thị nguyệt phi nguyệt.

Thị dĩ như kim, quan kiến dữ trần, chúng chúng phát minh, danh vi vọng tướng, bất năng ư trung xuất thị phi thị. Do thị chơn-tịnh diệu giác minh-tánh, cố năng linh như xuất chỉ phi chỉ. »

(VI HOÀN)





# KINH ĐIỂN NGHĨA

KINH THỦ-LĂNG-NGIÊM (SURAMGAMA)

(tiếp theo)

Khi ấy trong đại-chúng, những người chưa đặng quả vô-học nghe Phật dạy như vậy, mờ mịt chẳng biết nghĩa ấy trước sau ra thế nào, đồng thời run sợ, mặt cả chỗ sở thủ (1).

Như-Lai biết trong đại-chúng tâm-lự biên loạn nên sanh lòng thương xót, an ủi ông A-Nan và trong đại-chúng rằng: « Các gã thiện-nam! bậc vô Pháp-vương (2), lời nói chơn-thật, như pháp Sở-như (3) mà nói, không có sai lạc lắm quấy, chẳng phải như bôn lời nghị-luận quanh lộn bất tử (4) của chúng ngoại-đạo Mạt Già-Lê đâu. Các ông hãy suy xét chín chắn, chớ phụ lòng thương xót của tôi».

1) *Sở thủ*. — Thủ nghĩa là giữ, giữ thân cho tề chỉnh, giữ tâm cho thanh-tịnh là chỗ sở-thủ của đại-chúng.

2) *Pháp-vương*. — Phật ứng cơ tự-tại thuyết-pháp nên gọi là Pháp-vương.

3) *Pháp Sở-như*. — Phật đem tri chơn-như mà quán các pháp thì các pháp đều hiện ra cái tướng chơn thiết như-như bình-dẳng. Tri của Phật là năng-như, chơn-như thật-tướng là Sở-như; Phật y như thật-tướng mà thuyết-pháp nên gọi rằng: « như pháp Sở-như mà nói ».

4) *Bôn lời nghị luận quanh lộn bất-tử*. — Bất tử nghĩa là không không chết, nghị-luận không nhất định thì gọi là bất tử. Bọn Mạt-Già-Lê sợ người ta bắt nên nói quanh nói lộn, nào là « cũng sanh, cũng diệt, cũng đoạn, cũng thường » vân vân. Phật phát minh cái nghĩa « không có thị và phi-thị » là y theo thật-tướng mà nói, đề phá trừ diên-đảo mê-chấp ở không phải như nghị-luận bất-tử của ngoại-đạo.

Khi ấy ông Văn-Thù-Sư-Lý Pháp-vương-tử(5) thương-hàng-tử-chúng, liền ở trong đại-chúng đứng dậy, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng : « Thưa Thê-Tôn, trong đại-chúng nay chẳng ngộ được cái nghĩa « *thị và phi-thị* » mà Như-Lai vừa phát minh nơi hai món : « *Kiên-tinh và sắc-không* ». Thưa Thê-Tôn, nêu những hình tượng Sắc-Không hiện-duyên trước mắt thiết là cái thầy, thời lẽ ra phải có chỗ chỉ ! mà nêu là phi cái thầy thời lẽ không thể thầy được ! nay trong đại-chúng không biết nghĩa ấy vì đâu nên sanh lòng sợ hãi, chớ không phải vì căn lãnh đời trước ít ỏi đâu. Cúi xin Như-Lai đem lòng đại-từ-phát-minh cho rõ những các vật-tượng cùng với kiên-tinh ấy, vốn là vật gì, mà ở trong đó lại không có cái nghĩa « *Thị và phi-thị* » —

Phật bảo ông Văn-Thù và trong đại-chúng : « Mười phương các đức Như-Lai cùng các vị đại Bồ-Tát ở trong Tự-trụ tam-ma-địa(6), thời kiên-tinh, kiên-duyên(7) và các tướng sở-tướng(8) đều như hoa đóm giữa hư-không, vốn không thiết có; kiên-tinh và kiên-duyên vốn là Bồ-Đề-diệu-tĩnh-minh-thể(9) làm sao ở trong ấy lại có được cái nghĩa : « *thị và phi-thị* ».

Ông Văn-Thù, tôi nay hỏi ông : Như ông là Văn-Thù, lại có ông Văn-Thù nào thiết Văn-Thù không ? hay là không có Văn-Thù ?

5.) *Pháp-vương-tử*. — Phật là Pháp-vương, các vị Đại-Bồ-Tát và sau kế-vị làm Phật nên gọi là Pháp-vương tử.

6.) *Tự-trụ tam-ma-địa*. — là chơn ngã tam-muội, thiết chứng toàn-thể pháp-giới đều duy-thức biểu hiện, không phân biệt tâm và cảnh, năng và sở-vân-vân.

7.) *Kiên-duyên*. — là những món sở-kiến (những cái bị thấy).

8.) *Tướng sở-tướng*. — là những lối tướng-tượng nương theo kiến-tinh, kiến-duyên mà phát khởi.

—Thưa Thê-Tôn, tôi đây chính là Văn-Thù, không có ông nào thiệt là Văn-Thù nữa; vì sao? Nếu có Văn-Thù thiệt thời thành ra hai Văn-Thù; nhưng tôi hiện nay thì không phải là không Văn-Thù, ở trong ấy thiệt không có «*thị và phi*» hai tướng».

Phật dạy: «cái kiên-tinh diệu-minh ấy cũng với Sắc Không cùng như vậy; nó vốn là Diệu-minh vô-thượng Bồ-Đề tịnh-viên chơn-tâm, vì vọng mà hóa ra có tướng Sắc không và tánh thầy nghe đó thôi. Cũng ví như đệ-nhị-nguyệt, có cái nào là thị-nguyệt và cái nào là phi-nguyệt đâu !! Ông Văn-Thù: Chỉ có một chơn nguyệt mà thôi, trong ấy tự nhiên không có cái nghĩa thị nguyệt và phi nguyệt (10).

Vậy hiện nay ông phát minh ra những món xem thầy và sắc trần thì đều gọi là vọng tướng, ở trong ấy không thể chỉ là «*thị hay phi thị được*». Song cũng bởi cái diệu giác minh tánh của chơn tinh (11) ấy nên làm cho ông phát ra được cái nghĩa «*chỉ và phi chỉ*» (12).

## VIÊN-ÂM

9.) *Bồ-Đề diệu-tịnh minh-thê*. — Tùy duyên biến hiện là diệu, không thể nhiệm-ô là tịnh, thường thường sáng suốt là minh; Bồ-Đề diệu-tịnh-minh-thê là thê diệu-tịnh-minh của giác tánh, tức là diệu-minh vô-thượng Bồ-Đề tịnh-viên chơn tâm vậy.

10.) *Phi-nguyệt*. — nghĩa là phi mặt trăng; duy có một mặt trăng, dù đi con mắt mà thấy ra hai thì không thể chỉ cái nào là mặt trăng, cái nào là phi mặt trăng cả.

11.) *Chơn tinh*. — là cái kiến-tinh thanh-tịnh, không chấp những món sở kiến làm tự tánh.

12.) *Chỉ và phi-chỉ*. — Vật có thể chỉ được là chỉ, kiến tánh không thể chỉ được là phi chỉ; do kiến-tánh bản-lai là Bồ-Đề diệu-tịnh minh thê ra ngoài cái nghĩa «*thị và phi thị*», dầu báo đầu cảnh cũng không ngoài thê ấy, nên quyết định không thể lấy cái tay mà chỉ nó, lấy tư tưởng mà nghĩ biết nó được.

# AI - TÍN

Đức Khôn - Nguyên Xương - Minh  
Thái - Hoàng Thái-Hậu (Thánh Cung),  
Danh dự Hội-trưởng Hội Phật-Học đã  
thăng-hà ngày 24 tháng 10 (19-11-35).

Chiều ngày mồng 4 tháng 11 (29-  
11-35), các ngài Chứng-Minh đạo sư,  
đại-học, tiểu-học tăng-chúng và toàn  
thể Hội-viên Hội Phật-Học đã được  
vào chầu Tũ-cung; và đến tối mồng  
6, Hội làm lễ cầu-siêu tại chùa Tường-  
Vân, gọi là báo đáp công đức hộ-pháp  
trong muôn một.

Lễ Ninh-lãng về ngày 25 tháng 11  
(20-12-35), Hội đã xin được phép theo  
chầu hộ-niệm.

Hội Phật-Học chúng tôi một lòng  
thành kính cầu-nguyện đức Thái-  
Hoàng Thái-Hậu vãng-sanh về Cực  
lạc thế giới.

**PHẬT HỌC HỘI - HUẾ**

---

---

**Nguyện sanh Tây Phương Tịnh-**  
**độ trung,**

**Cửu phẩm liên hoa vi phụ - mẫu.**

**Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,**

**Bất thời Bồ-Tát vi bạn lữ.**

---

---

---

**Bát bài « trả lời cho báo Viên-âm »  
của ông Kinh-Hiến-Vi đăng trong  
báo Anh-Sáng số 52**

Trong Viên-Âm nguyệt-san số 13 tôi đã bát bài ông Kinh-Hiến-Vi từ đoạn một, toàn đem tài-liệu trong bài ông, trong sử-ký và trong cảnh hiện-tại mà bát, cốt để cho độc-giả và ông Kinh-Hiến-Vi hiểu những chỗ sai lầm trong bài ấy. Ông Kinh-Hiến-Vi lại nói tôi sanh ra oán-nộ, đó là ông lấy tâm-trí của ông mà ức-đặt tâm-trí của tôi chứ không phải thiệt sự. Tự mình nói sai lầm không chút nghĩa lý, bị người ta bát rồi cho người ta là oán-nộ, ông Kinh-Hiến-Vi sao giỏi về phần trách người mà không biết tự trách. Bài bát từng đoạn của tôi toàn là phản-chiếu của bài ông Kinh-Hiến-Vi, chỗ nào ông nói sai thì tôi nói ông nói sai, chỗ nào ông không hiểu thì tôi nói ông không hiểu, chỗ nào ông mâu-thuần thì tôi nói ông mâu-thuần, độc-giả ai coi bài bát của tôi cũng nhận rằng đó là lời nói thiết-thực đâu phải là lời nói oán-nộ. Ông Kinh-Hiến-Vi không biết một chút gì về đạo Phật, dám đem những tư-tưởng hẹp hòi bất cập mọi đạo-lý tối cao tối diệu; tôi là học trò Phật, vì cái đạo lý tối cao tối diệu, chỉ trích những chỗ sai lầm của ông Kinh-Hiến-Vi; trong bài bát của tôi tuy lý luận sát đáng và cương quyết, nhưng cái mùi tục của nó chừng không đến nổi nồng nàng như trong bài ông Kinh-Hiến-Vi, sao ông Kinh-Hiến-Vi đối với mình lại khoan-dùng mà đối với người lại nghiêm khắc lắm vậy. Tôi nói thế, nào phải tôi so sánh với ông Kinh-Hiến-Vi đâu, ông có phần của ông, tôi có phần của tôi; tôi dẫu vì đối-trị những thói phạm-phu hiện ra tướng phạm-phu đi nữa nhưng cũng biết tự xét chỗ phải chỗ quấy, chỗ hay chỗ dở, đâu dám lấy ngược làm xuôi, lấy trái làm mặt.

Trước tôi cũng tưởng bát như vậy là đủ rồi, dè đâu ngày nay ông Kinh-Hiến-Vi lại đăng thêm một bài « trả lời cho báo Viên-Âm », nói lại về vấn-Đề ấy.

Trong bài trả lời kia, ông Kinh-Hiến-Vi toàn không nói đến những đoạn văn của ông, và những lời bát của tôi, lại cũng không chỉ cho tôi biết những lỗi bài bát nào là

không xét đáng đối nguyên-văn của ông. Ông chỉ nói tôi không hiểu, không phải không hiểu văn của ông, mà chính là không hiểu chỗ lập-trường của ông. Ông Kinh-Hiền-Vi nên biết, phàm đã viết ra một bài, tất nhiên ai cũng có lập-trường; nhưng lập-trường là lý của mình, không quan-hệ gì đến người khác; văn-tự là biểu-tượng ra ngoài, nên có thể làm cho người ta rõ biết những việc mình muốn nói.

Bài « Phật-giáo dưới Kinh-Hiền-Vi » của ông, đã bị bắt từ đầu đến đuôi không sót một chỗ, thì dầu ông đứng về mặt gì mà làm bài ấy nó cũng là một bài không giá-trị, ông còn nói đến làm chi nữa. Trong khi tôi bắt bài ông, tôi đứng về mặt một nhà luận-lý, lại là một nhà luận-lý thế-gian, nào phải đứng về mặt một nhà tin-ngưỡng đâu, ông thử coi lại thì rõ.

Đại phàm bắt một lý thuyết nào cũng phải nương theo trình-độ của người ta; tôi có học phép luận-lý ít nhiều, đâu dám đem những lý nghĩa vô-thượng thậm-thâm mà đối phó với một bài toàn vô lý-nghĩa.

Nếu ông Kinh-Hiền-Vi biết luận-lý thì lẽ đáng ông đăng những nguyên-văn của ông và những lời bắt của tôi, rồi chỉnh nơi đó chỉ rõ những lời bắt không đáng tui tôi mới phục, lẽ đâu nói lằng quẩn loanh quaoanh, nào là tin-ngưỡng, nào là lập-trường, nào là hiểu với không hiểu, những đều đó đối với những người đã đọc bài của ông và bài bắt của tôi, phỏng có tăng được giá-trị bài của ông một đôi phần gì không?

Ông Kinh-Hiền-Vi đã tỏ ra cái thái-độ một nhà không biết luận lý như kia, lẽ đáng tôi không trả lời mới phải, song vì nếu không trả lời thì e ông lại tưởng lầm rằng bài thứ hai này của ông có lý nghĩa hơn bài trước và lập-trường của ông là hay là đúng, nên tôi phải gắng giọng bắt một lần thứ hai, hoặc một lần thứ ba nữa, may ra ông biết quấy theo phải thì càng tốt.

Bài « trả lời cho báo Viên-Âm » của ông Kinh-Hiền-Vi dài lắm, nhưng trong ấy tóm lại lý nghĩa cũng chẳng bao nhiêu, nếu tôi bắt từ đoạn một lần nữa thì cũng phiền, vậy xin chỉ gộp các ý nghĩa mà bài bắt.

Trong đoạn thứ nhất ông Kinh-Hiền-Vi nói đạo Phật xuất-sản ở Ấn-Độ mà dân Ấn-Độ vẫn làm than cực khổ. — Đoạn

ấy ông Kinh-Hiền-Vi làm chánh-trị với đạo lý; một nước yếu hay mạnh là do nơi chánh-trị, nhơn-tâm tốt hay xấu là do nơi đạo-lý; hai nước đồng một tôn-giáo khi đánh nhau cũng có người hơn kẻ thua, vậy ông mới nương vào đâu mà bảo rằng tôn-giáo làm cho nước yếu hay nước mạnh. Nhứt-Bồn theo đạo Phật mà cường-thạnh, Tích-Lan theo đạo Phật mà mất nước; Nhứt-Nhi-Mạn phản-đối đạo Gia-tô mà thế lực hoành trương, Ao-Đại-Lợi sùng-thượng đạo Gia-tô mà tài-chánh bền vững; đạo lý là đạo lý, chánh-trị là chánh-trị, chánh-trị đứng về mặt đối đãi nước này với nước khác, đạo lý vượt ra ngoài thời-gian và không-gian, hai đều ấy không thể dẫn lại làm một mà biện luận được. Song nếu nhơn-tâm hư hỏng thì cũng khó bề duy trì, sự cường thịnh cho lâu dài vững chắc. Đó là nói về tiêu-thừa Phật-giáo, đến như Đại-thừa Phật-giáo thì diệu-dụng vô cùng vô tận, dầu về thế gian hay-xuất thế-gian, cũng đều hoàn toàn viên mãn cả.

Đoạn thứ hai ông Kinh-Hiền-Vi có phân biệt biết và làm. Ông liệt triết-lý, đại lý thuộc về biết, còn làm thuộc về năng lực của cảm-tình. -- Đoạn này tôi xin biện-luận sơ sạ vì chưa định-danh hai chữ cảm-tình. Chẳng biết ông Kinh-hiền-Vi hiểu hai chữ cảm-tình theo nghĩa nào, hoặc cho cảm tình là cái tánh nhận biết các món cảm-xúc, hay là chỉ nhận riêng những lối cảm-giác làm cho lay động tâm-tánh và phát sanh ra vui buồn thương ghét là cảm-tình.

Theo lối trên thì tôi cũng có phần đồng ý với ông, vì nương theo cảm-giác mà phát sanh tư-tưởng, rồi nương theo tư-tưởng mà phát sanh ra tác-dụng (làm). Tuy vậy, nói như ông Kinh-Hiền-Vi cũng còn có phần không đúng, vì làm cần phải nương theo tư-tưởng, mà tư-tưởng lại còn phải nương theo những tập-quán sẵn có. Ví dụ như hai tờ báo đồng là chữ đen giấy trắng, đối với người dốt thì không khác chi nhau, song đối với người hay chữ thì có tờ nên vứt đi, có tờ nên để lại. Lại như hai người đồng thấy người đi trước mình làm rơi một tờ bạc giấy, có thể dùng mua vật này vật khác mà một người thì lượm bỏ túi, một người thì lượm đem trả lại cho nguyên-chủ, đó cũng đồng một cảm-giác mà việc làm khác nhau như trời với vực.

Đến như về nghĩa thứ hai của chủ cảm-tình thì những lối làm như vậy là lối làm của những kẻ bèn yếu, đem tặng cho tất cả những sự hành-động của đại-đa-số loài người thì có phần qua đàng lắm. Dầu rằng ít ai được hoàn toàn tự-do đối với cảm-tình kia, nhưng công việc riêng của mỗi người cũng không đến nỗi phần nhiều do cái năng lực của cảm-tình ấy mà phát hiện.

Đối với cái quan-hệ của biết và làm, theo ý tôi nên chia ra bốn phần:

1. Biết và làm,
2. Biết mà không làm,
3. Không biết mà làm,
4. Không biết và không làm ;

chẳng biết ông Kinh-Hiền-Vi có biểu-đồng-tình hay không?

Đoạn thứ ba, cái lập trường của ông Kinh-hiền-Vi là: « Tâm là vật-sản của hoàn-cảnh, tâm có năng lực chi-phối được hành-động, nhưng tâm không thể tự động mà phải chịu hoàn-cảnh qui-chế ». — Bài trước ông Kinh-Hiền-Vi tuy không nói rõ cái lập-trường của ông, nhưng ai xem kỹ bài tôi cũng đã nhận rằng tôi đã bắt cái lập-trường ấy rồi; nay ông đã nói rõ ra thì tôi xin bắt thêm một lần cho rõ ràng hơn nữa.

Tâm là năng-tri, hoàn-cảnh là sở-tri, quan-hệ rất là mật-thiết; vậy nên khoách trương cảnh ra thì ngoài cảnh không có tâm, khoách trương tâm ra thì ngoài tâm không có cảnh, cái hiện-tượng của năng tri và sở-tri không thể rời nhau được. Nhưng nói như ông Kinh-Hiền-Vi thì có phần sai lầm nhiều lắm, tôi xin bắt như sau này :

1.) Tâm không phải sản-vật của hoàn-cảnh vì khác hẳn với nhau vậy. Tâm là hữu-tri, hoàn-cảnh là vô-tri, hoàn-cảnh không thể sanh ra tâm cũng như hư-không không thể sang ra thân người vậy. Nếu hoàn-cảnh thiết tạo ra được tâm, sao hoàn-cảnh không tạo ra cái tâm nơi cục đá.

2.) Tâm có thể tự động, vì trong khi ngủ không lãnh-thụ những cảm-xúc của hoàn-cảnh mà cũng có thể tự tạo ra cảnh chiêm-bao. Dầu cho ông nói rằng cảnh chiêm-bao do các việc đã kinh-nghiệm biến-thành, nhưng trong khi ngủ, nếu tâm không tự động thì làm sao cảnh chiêm-bao hiện

ra được. Lại nữa, như cái vi-dụ ở trước, đồng thấy rơi một tờ bạc giấy mà một người lượm bỏ túi, một người lượm đưa cho nguyên-chủ, nếu tâm không tự-động thì sao đồng một hoàn-cảnh mà việc làm trái hẳn với nhau ?

Chỗ lập-trường của ông Kinh-Hiến-Vi đã sai lầm như kia thì nào khác chỉ một người đeo gương đỏ thấy vật gì cũng đỏ, một người đeo gương đen thấy vật gì cũng đen, dầu các bài của ông có sai lầm đến đâu cũng là lẽ tất nhiên vậy. Chỗ lập-trường là căn-cứ, tôi đã bắt cái căn cứ rồi thì những điều kiện sau này tôi chỉ bắt sơ qua cũng được.

Đoạn thứ tư ông K. H. V. nói Phật Thích-Ca vì sung sướng quá mới nghĩ đến cái già cái chết, cho cái già cái chết là khổ. — Trong đoạn này cái quan-niệm sai lầm của ông K. H. V. rõ rệt như ban ngày sao ông không đề ý đến. Người ta ở giữa đời dẫu lao-động đến đâu cũng chỉ lo một việc là lo cho sống, lo cho khỏi chết; vậy ai lại chẳng biết cái chết là khổ. Nếu không biết cái là khổ thì cần gì phải làm để nuôi sống. Nhưng trong đó, có người tâm-trí hèn yếu, biết cái chết là khổ nhưng chỉ lo cho cái chết khỏi tới gấp mà thôi, lại có người tâm-trí cương-quyết biết cái chết là khổ thì nhất định tìm cho ra nguyên-nhơn của cái chết mà phá trừ để thoát ra khỏi cái khổ của sự chết.

Dẫu cho như lời ông nói rằng phải đủ ăn đủ mặc trước mới có thể xét tìm đạo-lý, thì người đủ ăn đủ mặc ở giữa đời này cũng không phải là ít, sao ông lại nói rằng đạo Phật chỉ giải-thoát cho đức Phật Thích-Ca mà thôi, có phải chính ông cũng nhận là bài trước của ông không đúng, hoặc là vấn của ông trái ngược với tư - tưởng của ông, hay sao ?

Hưởng chỉ trong thời-kỳ ấy các vị hoàng-tử sung-sướng như đức Phật Thích-Ca không phải là ít, thế mà duy đức Thích-Ca thành Phật là vì sao, có phải vì tâm có thể tự động không? Xin ông xét lại.

Đoạn thứ năm nói về ông Thiện-Chiếu và ông Vân-Đàm. — Nói về ông Thiện-Chiếu thì tuy tôi chưa gặp, nhưng coi những quyển sách ông đã làm cũng rõ ràng ông học không có thầy nên chưa hiểu đạo-lý nhà Phật; đến như ông Vân-Đàm thì tôi biết nhiều lắm, biết ông là một người không hiểu Phật-pháp là chi, chỉ mua cái danh hảo với một phái

đàn-bà đốt nát, nếu như ông Văn-Đàm thiết hiệu Phật-pháp thì ông cứ định ngày cùng tôi nhóm họp giữa công chúng đông đảo, bàn luận với nhau về Phật-pháp, hoặc theo phép Nhơn-minh nhà Phật, theo phép luận-lý của Âu-Tây, cho biết ai hơn ai kém. Tôi nói vậy không phải có ý kiêu-căng, nhưng vì lòng hộ-pháp phải chỉ rõ sự thật nơi ông ấy để cho thiên-hạ khỏi lầm là một người thiết hiệu Phật-pháp.

Đến như nói về tu hành, các ông ấy đã không biết Phật-pháp là chi thì các ông tu hành theo Phật-pháp sao được.

Tôi vẫn biết tu khổ-hạnh chẳng phải là lối tu chơn-chánh, nhưng giữ giới để trừ những điều ác, nào phải là tu khổ-hạnh. Hai ông ấy chưa hề nhận đối nhận khác, phơ nằng phơ sưng, tức là chưa tu khổ hạnh lúc nào, sao kinh nghiệm được là không có hiệu quả. Đến như vì nghiệp chướng nặng nề, những điều dữ Phật đã cấm ngăn mà cũng không chừa nổi, đó là vì không hiểu Phật-pháp nên không biết cách tự trị chớ không chi khác. Tôi vẫn chưa mặc áo mực như hai ông ấy nhưng tội hằng ngày vẫn thiết-hành theo Phật-pháp, chớ không phải chỉ tu nơi cái áo hay cái miệng, dầu tôi là người lao-dộng và trái với lý-thuyết của ông Kinh-Hiền-Vi, tôi không có bạc dư và không có chức phận.

Tuy tôi chưa có kinh-nghiệm theo Phật-pháp được nhiều nhưng có lẽ còn hơn hai ông ấy vì hai ông ấy chưa hề thiết biết Phật-pháp, nên cũng chưa hề kinh-nghiệm theo Phật-pháp.

Còn nói về sự tương thời các thầy tôi, chơn-chánh tu hành trải ba bốn mươi năm, kinh-nghiệm kể sao cho xiết, mà đối với chánh-lý của đạo Phật vẫn hết sức duy-trì, chuyên tâm tu tập theo, như khi mới xuất-gia thì ông K. H. V. mới nương vào đâu mà cho hai ông ấy là phải.

Đoạn thứ sáu, về ba chữ «tánh bản thiện», có nhiều chỗ không đúng, nhưng xin nhường lại cho ông Mai-Sơn biện-bát. Câu đó là câu của nhà nho, những người đạo Phật phải hiểu câu đó như câu : « Chúng sanh đều có Phật-tánh ».

Sau đoạn này ông K. H. V. có nói về chữ tâm và về lý duy-tâm, nhiều chỗ sai lầm lắm. Muốn hiểu lý duy-tâm đạo Phật phải học hai ba năm, chẳng phải trong một vài

cột báo mà nói rõ được. Nhưng nếu ông K. H. V. muốn biết lý duy-tâm thế nào, xin hãy xem Duy-Tâm tạp-chí của Lương-Xuyên Phật-Học-Hội. miễn là ông hiểu được.

Đến như trong đoạn kết-luận, ý ông Kinh-Hiến-Vi chừng tự nhận rằng biết chánh-trị, hiểu văn-minh hơn tôi, tôi phải thừa thiệt cùng ông rằng: Xin ông chờ lâu, khi nào ông muốn bàn với tôi về chánh-trị và văn-minh, tôi cũng có thể biện-luận rõ ràng với ông, vì coi bài của ông, tôi đủ nhận rằng những điều ông biết thế nào tôi cũng biết, mà những điều tôi biết vị tất ông đã biết; trong khi biện-luận, tôi chỉ sợ một điều là quá trình-độ của ông mà thôi. Tôi nói cái gì đều có bằng-cớ, tôi tin cái gì đều có lý-nghĩa, những lời nói suông của ông chưa hề làm cho những bài tôi bất ông mất giá-trị một chút nào. Bài sau của ông tôi cũng sẽ bắt nốt và sẽ hơn ông về các phương-diện, trừ ra phương-diện mùi tục.

NGUYỄN-XUÂN-THANH



---

# ĐUỐC - TUỆ

---

Hội Phật-Giáo Bắc-kỳ được phép xuất bản tờ tuần-báo **Đuốc-tuệ**, hôm 10 Décembre 1935 đã ra số đầu.

Nội dung báo **Đuốc-tuệ** gồm có những mục :

- 1) Bàn luận về Phật-giáo,
- 2) Dịch-thuật các kinh Phật,
- 3) Lịch-sử chư Phật, chư Bồ-Tát,
- 4) Chuyện các cao tăng,
- 5) Ký những nơi danh lam thắng cảnh,
- 6) Văn thơ
- 7) Giải đáp
- 8) Chú thích
- 9) Trung ngoại tân văn.

Báo ra 32 trang, khổ giấy 0, 12x0, 20.

**Giá...**

Một năm ... 1\$00

Sáu tháng... 0.50

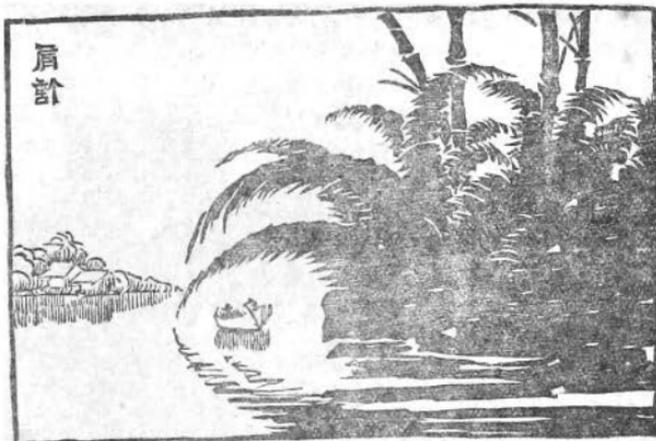
Mỗi số ..... 0.03

Chủ-nhiệm: Cụ Nguyễn-năng-Quốc, Quản lý: Ông Cung-đình-Bính, Chánh, phó chủ bút các sự: Phan-trung-Thu và Dương-văn-Hiền.

Báo quán ở chùa Quán-Sứ, phố Richaud Hanoi.

---

---



## Thi - Lâm

### Độc báo Viên-Âm

Gió lọt song-sa tỏa khói trầm,  
 Một mình với một quyển Viên-Âm.  
 Trang này đọc hết qua trang khác,  
 Chữ Phật theo đời với chữ tâm.  
 Viên đá ba sinh nhìn mường-tượng,  
 Thê hương mười-nguyệt vài lâm dâm.  
 Sẵn gương trí-huệ thường soi đó,  
 Hoa nở trong gương dạ chớ lằm.

Ung-Bình, Thúc-Giá thị



### HỌA

Cao rộng nam-mô đến rộng trầm,  
 Đọc trăm đọc hết tập Viên Âm.  
 Sâu xa nghĩa lý dầu ba tạng,  
 Thu góp tinh thần chỉ một tâm.  
 Chứa sẵn hoa sen hơi gió thoảng.  
 Chợt nhìn khóm cúc bóng chiều dâm.  
 Lời nghe tròn trặn lòng khoan khoái,  
 Trọn cả đường tu khỏi sợ lằm.

BÌNH-NAM

Danh lợi đưa theo ngọn khói trầm  
Ôm đờn chợt nhớ bạn tri-âm.  
Phật xưa dẫu phải người vô sự,  
Pháp cũ còn chờ kẻ hữu tâm.  
Bầm thọ tam qui nơi chánh đạo,  
Tu trì ngũ giới khỏi tà dâm.  
Mong sao mở mắt vào luân chuyển,  
Nguôn giác tỉnh thông chẳng lỗi lầm,

Quạt-Đình

Lò hương ai đốt bầy hơi trầm,  
Ta muốn dùm chung quyền Phạm-âm.  
Tịnh-Độ đương chờ người mộ đạo,  
Di-Đà nữ phụ kẻ tu tâm.  
Tài riêng vốn sẵn lòng qui thiện.  
Tuổi lớn màng chi sự giới dâm.  
Chuyện cũ năm xưa ngồi ngẫm nghĩ,  
Bao nhiêu ngày tháng bấy nhiêu lầm,

Nại Viên

Viên-Âm tên báo nghĩa thâm trầm.  
Thường đọc như nghe tiếng pháp-âm.  
Rung mở khua chuông vì mặt-thế,  
Ra phạm vào thánh cũng duy-tâm.  
Nương thuyền Bát Nhã trông bờ giác,  
Tìm cội Bồ Đề dựa bóng dâm.  
Thấu lý mới bền lòng mộ đạo,  
Xem tay chỉ nguyệt có khi lầm.

Châu khuê

Tề độ nhờ tay vớt kẻ trầm,  
Nén hương xin nguyện với Quan-Âm.  
Tu trì đã biết tuy nhiều bậc,  
Mé ngộ cho hay cũng một tâm.

Rừng trúc tàng che muôn cõi nắng,  
Ngành dương nước rưới khắp trời dâm.  
Nghe chuông chợt tỉnh hồn mơ mộng.  
Đường thẳng noi theo chắc khỏi lăm.

Lệ-Khanh

Vằng vằng chuông khuya mấy tiếng trầm  
Nhắc người dậy đọc báo Viên-Âm.  
Ở trần, chi khỏi vương trần-lụy,  
Học đạo, đừng cho trái đạo tâm.  
Bén đặng mùi thuyền chơi cõi tịnh,  
Đánh tang quỉ dục đuổi thần dâm.  
Văn minh triết lý gần kia đó,  
Tìm kiếm đâu xa đến nỗi lăm.

Hồ-Triệu-Khanh

Trước án hương bay gió thoảng trầm.  
Cúi đầu xin nguyện với Quan-Âm.  
Giấy oan chẳng bận ân cùng ái,  
Quả phúc cho tròn Phật với tâm.  
Giữ dạ trau dồi gương trí-huệ,  
Mặc ai đeo đuổi thói tà dâm.  
Từ đây đời sắc thành không hẳn,  
Má phấn môi son chuyển lối lăm.

Hồ-Đình

Nương về bí-ngạn khỏi luân trầm,  
Bác-Nhà nhờ thuyền Quán-thế âm.  
Muốn chứng Bồ-đề thành Phật-đạo,  
Phải trừ nghiệp chướng vẹn hằng tâm.  
Dương chỉ một đích nhuần ơn cả,  
Pháp giới ba ngàn đội bóng dâm.  
Kính tạog xưa nay không khác nghĩa,  
Chỉ người lối thẳng, chớ sai lăm.

Hoài-Sơn thị Phụng

Trước ánh hương đưa phượng phát trăm,  
Tắc thành xin nguyện có Quan âm.  
Khế kinh thường niệm khuya cùng sớm,  
Giới luật ghi lòng Phật với tâm.  
Xem báo Viên-Âm người tục lụy,  
Soi gương trí huệ giải tà dâm.  
Kêu đòi Bác-nhả cho qua với,  
Kéo nợ ba sanh vướng phải lăm.

Đậu-Khanh

..

Khen ai diệu ngộ nghĩa thâm trăm,  
Phật-pháp huyền vi diễn quốc âm.  
Đã biết có, không như huyền mộng,  
Khỏi đem thương, ghét bận thiền tâm.  
Một biên rạn rạn bày chơn lý,  
Năm giới lần lần diệt vọng dâm.  
Mượn chiếc thuyền từ đưa bề khổ,  
Xưa lăm nay dễ dễ ai lăm.

Khuỳnh-Hiền

..

Bấy nay vật vờ kiếp phù trăm,  
May dựng vào tai tiếng phạm âm.  
Tùy tiện trau dồi gương chánh kiến,  
Ứng cơ giảng giải lý duy-tâm.  
Ngộ mê vẫn đủ ngôn, thân, ý,  
Sanh tử nguyên vì sát, đạo, dâm.  
Tam-bảo từ bi xin mật hộ,  
Cho khi hoàng pháp khỏi sai lăm.

VIÊN ÂM chủ bút

TAM MINH

ĐIỀU NAM - BÌNH

Tiếng chuông Linh-Mụ khua canh, gọi quần sanh kéo còn say đắm, chìm nổi linh đình, trong dòng sanh tử không đành kéo không đành, Phật xưa kia, có tu luyện mới thành. Ai người khôn biết, kíp lo toan tu hành chí quyết, diệt độ nơi mình. Phật riêng ai, bởi người hơ hững vô tình. Nghe kinh liễu ngộ vô sinh, huyền cơ thấu, mới mong viên thành. Phật ấy lòng không hai, tấc lữa tinh thất dục, dạ dưng sai, nhờ nguyện Như-lai, dựng cảnh thơi, Tây phương liên-đài.

Hương-Khôi  
Hoàng-Xuân-Mai





# HERMES

## 2000

**Machines à écrire modernes à clavier  
français et français-quốc-ngũ**  
(Fabriquées en Suisse)

Présentent sous un petit volume et pour un prix réduit, tous les avantages des plus modernes machines existant à nos jours,

**En voici quelques caractéristiques:**

*Margeurs visibles et accessibles de face,  
Automatisme du ruban,  
Blocage et déblocage automatique.  
Tabulateur muni de frein progressif,  
Tableaux avec lignes perpendiculaires sans chan-  
ger la direction de la feuille,  
Beauté des finis, silence, rapidité, etc.*

**Les prix pour ce modèle portable:**

Machine **Hermes 2000** à clavier  
français... 130\$00  
Machine **Hermes 2000** à clavier  
franço-annamite... 150.00

En vente chez Trĩnh-thị-Vãn, Etablissements  
Bichmac, 24 Rue des Cuir 24

**Hanoi**



PHƯƠNG-DANH NHỮNG ĐỘC-GIẢ VIÊN-ÂM  
ĐÁ TRẢ TIỀN NĂM THỨ HAI

<b>Thanh-Hóa</b>		<b>Sông cầu</b>	
M. Phạm-vân Quảng	2\$00	MM. Nguyễn đình Cầm	2\$00
<b>Thừa thiên</b>		<b>Từ Nhân (chùa Sắc-tứ</b>	
M. Ưng-Dự	2.00	<b>Bác-Nhã)</b>	
<b>Đồng-Hới</b>		<b>Trần kỳ Quai</b>	
M. Tạ văn Doãn	2.00	<b>Melle Võ thị Trang</b>	
<b>Tourane</b>		<b>S. E. Lê tấn Phùng</b>	
MM. Nguyễn ngọc Sỹ	2.00	<b>Phan-thiết</b>	
Nguyễn sĩ Dụng	2.00	<b>M. Trần Tiêu</b>	
<b>Faifoo</b>		<b>Qui-Nhơn</b>	
MM. Trần Thiệu	2.00	<b>M. Đỗ Phong</b>	
Nguyễn hữu Lư	2.00	<b>Phan-rý</b>	
Lê Ấn	2.00	<b>Melle Nguyễn thị minh Tâm</b>	
<b>Quảng-ngãi</b>		<b>Saigon</b>	
Mme S. E. le Cầu chánh	2.00	<b>MM. Dương văn Nam</b>	
<b>Bình-định</b>		<b>Đỗ văn Quơn</b>	
M. Hồ đắc Uyển	2.00	<b>Ngô văn Kiêm</b>	
<b>Tam-quan</b>		<b>Nguyễn thiện Tông</b>	
MM. Phan hải Cự	2.00	<b>Nuyễn Hạp</b>	
Nguyễn - Vĩ	1.00	<b>Nguyễn văn Nhơn</b>	
<b>Nha-Trang</b>		<b>Chợ-lớn</b>	
MM. Đỗ Đông	2.00	<b>M. Lữ huynh Anh</b>	
MaiVan	2.00	<b>Mme. Trần thị Muôn</b>	
<b>Đình-tấn-Hương</b>		<b>M. Đặng Trạch</b>	
Trần đăng Khoa	2.00	<b>Huỳnh văn CỬA</b>	
<b>Phan-Rang</b>		<b>Đặng văn Thịnh</b>	
MM. Hoàng hữu Hách	2.00	<b>Dương-văn Diên</b>	
Nguyễn tri Thắng	2.00	<b>Gia-Định</b>	
Mme Huỳnh thị Hương	2.00	<b>M. M. Minh Tâm Yết Ma</b>	
		<b>chùa Thiện Quang</b>	
		<b>Nguyễn ngọc Trâm</b>	

**Gỗ-Công**

Ngài Pháp Hoa chùa Thiên trường 2.00

**Baria**

M. Đỗ phước Tâm 2.00

**Trảng-bàng**

M. Nguyễn văn Khả 2.00

**Bến-tre**

MM. Hoàng khánh Thuyên 2.00

Nguyễn văn Thịnh 2.00

Mai văn Mền 2.00

Lê văn Triêm 2.00

Đàng văn Bằng 2.00

**Mỏ-cày**

M. Trần khắc Minh 2.00

**Vĩnh-long**

MM. Nguyễn thánh Hoàn 2.00

Đoàn văn Chiếu 2.00

Phan văn Sành 2.00

Trần thị Rỹ 1.00

**Bắc-Liêu**

MM. Trần văn Xén 2.00

Hòa thượng Phổ-Chí 2.20

Quách văn Hưng 2.00

Trần phong Sắc 1.10

Trần văn Chánh 2.00

Phan văn Triều 2.00

Nguyễn thành Dương 2.00

Ng. văn Nền dit Sanh 2.00

Lê văn Hạch 2.00

**Biên-Hòa**

M. Nguyễn văn Cương 2.00

**Rạch Giá**

M. Nguyễn hữu Thời 2.00

**Soctrang**

MM. Lương văn Tường 2.00

Trương kỳ Trung 1.10

Nam Thành 2.00

Lưu văn Há 2.00

Ứng đàng Khoa 2.00

Liều văn Sôi 2.00

Ứng minh Vàng 2.00

**Long Xuyên**

M. Trịnh công Ngưu (lần thứ hai) 1.00

Nguyễn văn Tình 2.00

Yết ma Thiện Tâm 2.00

**Châu-Độc**

MM. Yết ma pagode Thanh-sơn 2.00

Nguyễn văn Chim 2.00

Hồ hữu Ngọc 2.00

Huỳnh văn Trăm 2.00

Phạm ngọc Chiếu 2.00

**Sadec**

Ngài Hòa thượng chánh quả 2.00

MM. Nguyễn-quang-Vị dit Hiến 2.00

Trương-công-Khánh 2.00

Huỳnh văn Dũ 1.00

**Cần thơ**

M. Đặng-văn-Chiếu 2.00

Mme Phạm thị Nương 2.00

Hoà thượng Võ-khánh-Anh 2.00

Mme Huỳnh thị Có 2.00

Yết ma Thiện Ngọc 2.00

M. Khương bình Tịnh 2.00

**Thủđaumôt**

M. Lý văn Khoảnh 2.00

**Núi sập**

M. Cao văn Sấm 2.00

### Tràvinh

MM. Yết ma Huệ Quang	2.00
Phạm hựu Muôn	2.00
Thai Phước	2.00
Nguyễn văn Thọ	2.00
Nguyễn đăng Hành	2.00
Nguyễn văn Huệ	2.00
Trù Tri Thiện Hương	2.00
Nguyễn văn Đầy	2.00
Nguyễn van Trọng	2.00
Thái Khánh	2.00
Võ van Thi	2.00
Phạm văn Liêu	2.00
Phan văn Phát	2.00
Phạm văn Luân	2.00
Huỳnh văn Thơm	2.00
Lê văn Tân	2.00
Nguyễn ngọc Thương	2.00

### Hà-nội

MM. Nguyễn van Dã	2.00
Võ văn Thiện	2.00
Trần văn Hiệp	2.00
Nguyễn hữu Tài	2.00
Vân quang Thùy	2.00
Đỗ văn Hỷ	2.00
Chu xuân Hải	2.00
Nguyễn văn Lộc	2.00
Hoa xuân Đài	2.00
Tạ văn Trương	2.00
Nguyễn hữu Tâm	2.00
Trung	2.00
Thịnh Mỹ	2.00
S. E. Bùi đình Thịnh	2.00
Mme Hoàng tăng Bi	2.00
Mme Ngô văn Tiá	2.00
Mme Vĩnh Bảo	2.00
M. Nguyễn gia Phong	2.00

### Hà-đông

M. Đoàn văn Nhân	4.00
------------------	------

### Bắc-ninh

Mme Nguyễn hựu Cung	2.00
---------------------	------

### Ninh-bình

M.M. Nguyễn đăng Trà	2\$00
Quách ngọc Bích	1.10
Melle Đình chí Nghiêm	4.00

### Sơn-tây

Mme Nha	2.00
Phạm văn Cường	2.00

### Hưng-yên

Mme Tham Cảnh	2.00
---------------	------

### Hà-nam (Phú-ly)

M. Trần quang Đài	2.00
-------------------	------

### Hải-dương

MM. Bùi đăng Khoa	2.00
Lương văn Khánh	2.00

### Thái-bình

M. Vũ như Trác	2.00
----------------	------

### Phúc-Yên

S. E. Phan kế Toại	2.00
--------------------	------

### Phnompenh

MM. Nguyễn văn Lãm	2.00
Huỳnh văn Nhung	2.00
Nguyễn văn Thường	2.00
Nguyễn văn Lượng	2.00
Nguyễn văn Tông	2.00
Võ thành Hay	2.00
Trần văn Long	2.00
Võ văn Chức	2.00
Trương công Thân	2.00
Trần văn Minh	2.00
Lý hữu Dư (Trương xuân)	2.00
Nguyễn văn Thiệp	2.00
Huỳnh văn Qui	2.00

### Takeo

M. Nguyễn văn Đống	2.00
--------------------	------

(Còn nữa)

# DỰ CÁO KỲ SAU

---

Tứ niệm-xứ,  
Tứ phần  
Bát thức qui củ  
vạn vạn..



# VIÊN-ÂM

(LA VOIX PARFAITE)

NGUYỆT-SAN CỦA HỘI PHẬT-HỌC — HUẾ

TÒA-SOAN :

5, Rue Champeau — Hué

Chủ nhiệm : LÊ-ĐÌNH-THẨM, Médecin Indochinois

Boite postale N° 73 — Hué

CHÚNG TÔI XIN GIỚI THIỆU :

**DUY TÂM TẠP CHÍ**

là một cơ-quan tuyên-truyền Phật-Pháp của Hội Lương-Xuyên Phật-Học tại Tràvinh.

Bộ biên tập gồm có nhiều nhà sư thông hiểu Phật-Pháp và Cư-sĩ tân-học giúp sức.

Nội-dung bài vở đặc sắc, văn lý gọn-gàng dễ hiểu, Cách Sắp Đặt Rất Hiệp Với Thời Cơ.

Giá đồng niên: . . . . . 2\$00

Bài vở xin gửi cho: Hòa-Thượng Huệ-Quang  
Chủ-Nhiệm DUY-TÂM  
à Tràvinh

Mandat xin gửi cho: M. Nguyễn-văn-Khỏe  
Médecin Indochinois

Administrateur du « DUY-TÂM »

à Tràvinh (Nam kỳ)